



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

-----o0o-----

Số: 01.2026/HHA/CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

TP.HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Tân Phú, Tp. HCM
4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 028. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
5. Email: info@hungchau.vn
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hoàng Tân – Tổng Giám đốc.
7. Nội dung công bố thông tin: Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: <https://himex.vn>

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Tài liệu họp ĐHĐCĐ 2026.

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN HOÀNG TÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Trụ sở: 1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3974 1135 / Fax: (84.28) 3974 1280

Website: <https://himex.vn> / Email: Info@hungchau.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trân trọng thông báo và kính mời quý Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2026 như sau:

1. Thời gian: 08 giờ 00, thứ Hai, ngày 29/12/2025.

2. Địa điểm: Khách sạn Nikko Sài Gòn - 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nội dung: Đại hội thảo luận và thông qua các vấn đề:

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch năm 2026.
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025.
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng kế hoạch năm 2026.
- Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban Kiểm toán.
- Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025.
- Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.
- Tờ trình thù lao HĐQT, Thư ký HĐQT năm 2026.
- Tờ trình về việc sửa đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.
- Tờ trình về việc tăng số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030.
- Tờ trình thực hiện bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030.
- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.
- Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (nếu có).

4. Thành phần, điều kiện tham dự:

- Cổ đông có tên theo danh sách do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp. HCM (CNVSDC) chốt vào ngày đăng ký cuối cùng 02/12/2025 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.
- Khi đến tham dự, quý Cổ đông vui lòng mang theo thư mời, giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền tham dự), Căn cước công dân, giấy CMND hoặc Hộ chiếu.
- Để công tác tổ chức và đón tiếp được chu đáo, quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội qua điện thoại/gửi thư/email hoặc fax giấy ủy quyền (nếu ủy quyền cho người khác) tham dự Đại hội trước 16 giờ 00, ngày 24/12/2025 theo địa chỉ ghi phía trên thông báo.





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Trụ sở: 1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3974 1135 / Fax: (84.28) 3974 1280

Website: <https://himex.vn> / Email: Info@hungchau.vn

- Thông báo này thay thư mời trong trường hợp quý Cổ đông chưa nhận được thư mời họp.

5. Tài liệu phục vụ Đại hội:

- Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội, quý Cổ đông có thể đến nhận tại Trụ sở Công ty hoặc tải từ website <http://himex.vn> (chuyên mục Quan hệ cổ đông) từ ngày 08/12/2025.
- Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội sẽ cung cấp trực tiếp cho quý Cổ đông tại Đại hội.

Rất hân hạnh đón tiếp quý Cổ đông.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



VŨ QUANG CHÍNH



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



Địa điểm: Khách sạn Nikko Sài Gòn
Địa chỉ: 225 Nguyễn Văn Cừ, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
Thời gian: Bắt đầu lúc 08h00, ngày 29/12/2025 (thứ hai)

Thời gian	Nội dung
	A. THỦ TỤC KHAI MỤC ĐẠI HỘI
8h00 – 8h30	Đón tiếp Quý đại biểu, Cổ đông, khách mời; Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và phát tài liệu họp.
8h30 – 9h00	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. Thông qua và giới thiệu: - Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội. - Danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu.
9h00 – 10h45	B. NỘI DUNG CHÍNH 1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch năm 2026. 2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025. 3. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng kế hoạch năm 2026. 4. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban Kiểm toán 5. Trình Đại hội thông qua: - Tờ trình phân phối lợi nhuận 2025 - Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính 2026. - Tờ trình thù lao HĐQT, Thư ký HĐQT năm 2026. - Tờ trình về việc sửa đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty. - Tờ trình về việc tăng số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 2030 - Tờ trình thực hiện bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030 - Tờ trình sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty - Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (nếu có). 6. Biểu quyết các vấn đề trình Đại hội. 7. Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030. - Thông qua quy chế để cử, bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 2030 - Thực hiện bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 2030
10h45 – 11h00	C. GIẢI LAO
11h00 – 11h20	D. CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ HỎI ĐÁP Hỏi và Đáp. Ban Kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết các vấn đề tại Đại hội; công bố kết quả bầu cử.
11h20 – 11h30	E. KẾT THÚC ĐẠI HỘI Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026. Tuyên bố bế mạc Đại hội.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

- ▶ 8g00 - 8g30: Cổ đông làm thủ tục đăng ký dự Đại hội.
- ▶ 8g30 - 9h00: Khai mạc, giới thiệu đại biểu.
- ▶ 9h00 - 10g00: Thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng Cổ đông
- ▶ 10g00 - 10h45: Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình.
- ▶ 10g45 - 11g00: Giải lao
- ▶ 11g00 - 11g30: - Hỏi & đáp.
- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
- Bế mạc Đại hội

* Thành phần, điều kiện tham dự, tài liệu phục vụ Đại hội:

1. Cổ đông sở hữu cổ phiếu SJ1 theo danh sách chốt ngày 02/12/2025 của Tổng Công ty Lưu ký và Bu trữ chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM (CNVSDC).
2. Khi tham dự, quý Cổ đông vui lòng mang theo thư mời, giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền tham dự), thẻ căn cước công dân, giấy CMND hoặc hộ chiếu.
3. Để công tác tổ chức và đón tiếp được chu đáo, quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội qua điện thoại/gửi thư/email hoặc fax giấy ủy quyền (nếu ủy quyền cho người khác) tham dự Đại hội trước 16 giờ 00, ngày 24/12/2025 theo địa chỉ ghi phía trên thư mời.
4. Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội, quý Cổ đông có thể đến nhận tại Trụ sở Công ty hoặc tải từ website: <https://himex.vn> (chuyên mục Quan hệ cổ đông) từ ngày 08/12/2025. Ngoài ra bộ tài liệu sẽ cung cấp trực tiếp cho quý Cổ đông tại Đại hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Mã số thuế DN: 0302047389

Trụ sở: 1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3974 1135 / Fax: (028) 3974 1280

Website: <https://himex.vn> / Email: info@hunghau.vn



Thư mời

THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2026

Mã chứng khoán: SJ1



THƯ MỜI

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính mời:

Ông/Bà:

Mã số Đ:

Số lượng cổ phiếu:

Đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026 của
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu

Vào lúc : **8 giờ 00, thứ Hai, ngày 29/12/2025**

Tại : Khách sạn Nikko Sài Gòn

Địa chỉ : 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Cầu Ông Lãnh,
TP. Hồ Chí Minh.

Rất mong Quý Ông/Bà sắp xếp thời gian đến tham dự đúng giờ để
Đại hội đạt kết quả.

Trân trọng!

Tp. HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

VŨ QUANG CHÍNH

Ghi chú:

Nếu Ông/Bà không thể tham dự được có thể ủy quyền cho người khác dự thay
bằng cách điền thông tin vào trang kế bên.

GIẤY ỦY QUYỀN

DỰ HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2026

Kính gửi: - Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2026;
- HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Tên cá nhân/Tổ chức:

Địa chỉ:

Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu/GĐKKD số:

Ngày cấp: nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần.

Nay Tôi ủy quyền cho: (*)

1/ Ông Vũ Quang Chính - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ☐

2/ Ông Nguyễn Hoàng Tân - Tổng Giám đốc Công ty ☐

3/ Ông/Bà:

Căn cước công dân/CMND số:

Ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc:

Đại diện tôi tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề trong phiên họp Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Nông
nghiệp Hùng Hậu được tổ chức vào ngày 29/12/2025 tại Khách sạn Nikko Sài Gòn
- 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh.

....., ngày tháng năm 2025

Người nhận ủy quyền
(ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền
(ký và ghi rõ họ tên,
đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

(*): Theo Điều 16 của Điều lệ Công ty.

- Khi đến dự họp, người được ủy quyền phải xuất trình Giấy ủy quyền này
cùng với Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu của mình.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2026



Kính gửi: - Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2026;

- HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Tên cá nhân/Tổ chức:

Địa chỉ:

Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu/GĐKKD số:, ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần.

Nay tôi ủy quyền cho: (*)

1. Ông Vũ Quang Chính – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty: ☐

2. Ông Nguyễn Hoàng Tân – Tổng Giám đốc Công ty: ☐

3. Ông/Bà:

- Căn cước công dân/CMND số:, ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú:.....

- Số điện thoại liên lạc:.....

Đại diện Tôi tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề nêu trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu được tổ chức vào ngày 29/12/2025 tại Khách sạn Nikko Saigon, TP. HCM.

....., ngày tháng năm 2025

Người nhận ủy quyền

(ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền

(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

- (*): Theo Điều 16 của Điều lệ Công ty.

- Khi đến dự họp, người được ủy quyền phải xuất trình Giấy ủy quyền này cùng với Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu của mình.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

PHIẾU BIỂU QUYẾT
(Các nội dung trong báo cáo, tờ trình tại Đại hội)

Nội dung cần biểu quyết	Biểu quyết		
	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Nội dung 1: Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2025 và kế hoạch năm tài chính 2026 của Ban Tổng Giám đốc.	☐	☐	☐
Nội dung 2: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm tài chính 2025.	☐	☐	☐
Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng kế hoạch năm tài chính 2026.	☐	☐	☐
Nội dung 4: Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban kiểm toán	☐	☐	☐
Nội dung 5: Tờ trình phân phối lợi nhuận năm tài chính 2025.	☐	☐	☐
Nội dung 6: Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm tài chính 2026.	☐	☐	☐
Nội dung 7: Tờ trình Thù lao HĐQT, thư ký HĐQT năm tài chính 2026.	☐	☐	☐
Nội dung 8: Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh.	☐	☐	☐
Nội dung 9: Tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.	☐	☐	☐
Nội dung 10: Tờ trình về việc tăng số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 -2025.	☐	☐	☐
Nội dung 11: Tờ trình thực hiện bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030.	☐	☐	☐

❖ **Lưu ý:**

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn: ☒
- Trường hợp cổ đông thay đổi thì khoanh tròn ô đã chọn ☒ và đánh dấu X vào ô lựa chọn mới: ☒
- Trường hợp muốn chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen hoàn toàn ô đó: ☒
- Cổ đông chỉ được chọn 01 phương án biểu quyết cho 01 nội dung.

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2026.
- Các phiếu sau được xem là không hợp lệ:
 - + Phiếu không do Công ty CP Nông nghiệp phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu).
 - + Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa yêu cầu.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

PHIẾU BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025-2030

Tên cổ đông: **NGUYỄN VĂN A**

Mã số cổ đông: **SJ239**

Số cổ phần sở hữu: **130**

Tổng số phiếu biểu quyết (số cổ phần sở hữu x 2): **260**

Căn cứ Điều lệ Công ty; Quy chế làm việc tại Đại hội; xem xét năng lực, tư cách đạo đức của các ứng cử viên Hội đồng quản trị, tôi quyết định bỏ phiếu bầu cho những người có tên sau đây vào HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030:

Stt	Họ và tên ứng viên	Bầu đón phiếu	Số phiếu biểu quyết
1			
2			

Với tư cách cá nhân/đại diện người ủy quyền cho tôi dự Đại Hội, tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về phiếu bầu này.

Cổ đông/Người đại diện
(Ký tên)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM TÀI CHÍNH 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Mã CK: SJ1

THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông/Người đại diện:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: cổ phần

Mã số biểu quyết:

SJ001



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Quy chế hoạt động Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, đồng thời hướng dẫn cho cổ đông tham gia Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2026 xin báo cáo ĐHĐCĐ thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

ĐIỀU 1. CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ

1. Cổ đông sở hữu cổ phiếu SJ1 theo danh sách chốt ngày 02/12/2025 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh hoặc người được ủy quyền có quyền tham dự Đại hội.
2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải có mặt tại Đại hội đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội.
4. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1, Điều 16 của Điều lệ Công ty phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



5. Không hút thuốc lá trong khán phòng Đại hội.
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội.
Điện thoại di động để ở chế độ rung, không chuông.

ĐIỀU 2. ĐOÀN CHỦ TỊCH

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là người Chủ tọa ĐHĐCĐ. Đoàn Chủ tịch điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua.
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình.
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch: Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

ĐIỀU 3. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết tín nhiệm. Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội vào Biên bản họp.
 - b. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

ĐIỀU 4. BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

1. Ban Thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 04 thành viên, do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết tín nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban Thẩm tra tư cách cổ đông:
 - a. Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - b. Trưởng Ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tiến hành.

ĐIỀU 5. BAN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



1. Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 04 thành viên do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử:
 - a. Hướng dẫn công khai cho cổ đông cách thức biểu quyết và bầu cử tại Đại hội.
 - b. Tiến hành kiểm phiếu; lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử cho đại hội.
 - c. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết/bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết/bầu cử.

ĐIỀU 6. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:
 - a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ.
 - b. Cổ đông, người được ủy quyền tham dự Đại hội có thể thảo luận bằng hình thức giơ tay phát biểu trực tiếp, Đoàn Chủ tịch sẽ mời phát biểu (*Lưu ý: Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp*) hoặc ghi ý kiến vào phiếu góp ý do Ban tổ chức Đại hội cung cấp.
2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:
 - a. Trên cơ sở Phiếu ý kiến hoặc câu hỏi trực tiếp của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông.
 - b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

ĐIỀU 7. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết thông qua bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết.
2. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 thẻ biểu quyết (màu vàng) để biểu quyết cho các nội dung: Quy chế đại hội, Chương trình làm việc đại hội, Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Thẩm tra tư cách cổ đông, Ban Kiểm phiếu biểu quyết, Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết, Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội,... trừ các báo cáo, tờ trình tại Đại hội bằng phương thức giơ thẻ biểu quyết.
Trên thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số biểu quyết, họ tên, số cổ phần sở hữu của cổ đông đó.
3. Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 phiếu biểu quyết



(màu trắng) trong đó có ba (03) ý kiến: đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến với từng nội dung trong báo cáo, tờ trình cần biểu quyết tại Đại hội. Cổ đông/người được ủy quyền sẽ đánh dấu "X" vào ô mình chọn, sau đó ký và ghi rõ họ tên nộp vào hòm phiếu theo hướng dẫn của Ban Bầu cử và kiểm phiếu.

Trên phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số biểu quyết của cổ đông đó.

4. Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 phiếu bầu cử (màu xanh) để bầu cử thành viên HĐQT. Trên phiếu bầu cử có ghi rõ mã số bầu cử của cổ đông đó.
5. Các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết "đồng ý" của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - e. Việc tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f. Gia hạn thời gian hoạt động của Công ty.
6. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 7, các trường hợp còn lại sẽ được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.
7. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết:
 - a. Phiếu biểu quyết hợp lệ:
 - Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không bị rách, không gạch xóa, sửa chữa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định và phải có chữ ký của Cổ đông/người được ủy quyền tham dự.
 - Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (tờ trình, báo cáo) hợp lệ khi Cổ đông/người được ủy quyền đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết: đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến.
 - b. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - Phiếu không đúng các nội dung do Ban tổ chức phát hành, bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn hoặc không có chữ ký của Cổ đông/người được ủy quyền tham dự, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ;



- Ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác...vào phiếu biểu quyết khi không được Chủ tọa yêu cầu;
 - Phiếu không đánh dấu hoặc đánh dấu từ hai ô trở lên cho toàn bộ các nội dung lấy ý kiến biểu quyết.
- c. Phiếu biểu quyết có 1 phần nội dung biểu quyết không hợp lệ: là Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không bị rách, không gạch xóa, sửa chữa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định và phải có chữ ký của Cổ đông/người được ủy quyền tham dự; không đánh dấu hoặc đánh dấu từ 02 (hai) ý kiến trở lên đối với 01 (một) nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.
- d. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban Bầu cử và kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

ĐIỀU 8. BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT HỌP ĐHĐCĐ

Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được Ban Thư ký đọc và ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC THI HÀNH

Cổ đông, người được ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu ngay khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

VŨ QUANG CHÍNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

QUY CHẾ ĐỀ CỬ - ỨNG CỬ - BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT (Nhiệm kỳ 2025 – 2030)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 (sau đây gọi là Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (sau đây gọi là Luật Chứng khoán);
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Ban kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026 Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban Tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

III. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào HĐQT.

IV. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu cử : 02 thành viên
2. Nhiệm kỳ : 2025 – 2030

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



3. Số lượng ứng viên HĐQT : thực hiện theo quy định tại Điều 25
Điều lệ Công ty

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT (Theo khoản 1 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp):

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Không được là Thành viên HĐQT hoặc đương nhiệm các chức danh quản lý doanh nghiệp của đối thủ cạnh tranh. Ngoại trừ, trường hợp do Công ty cử đại diện vốn tại doanh nghiệp khác mà Công ty có góp vốn.

V. Đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT theo tỷ lệ sau:
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử năm (05) ứng viên;
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- Trường hợp số lượng các ứng viên thành viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau

020
CÔ
CỔ
NÔNG
HỮ
TÂN PH



phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

VI. Hồ sơ tham gia đề cử để bầu vào HĐQT

1. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

(Mẫu biểu được đính kèm tài liệu họp Công ty và đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: <https://himex.vn>)

- Đơn xin đề cử/ứng cử thành viên HĐQT (theo mẫu): 01 bản chính;
- Sơ yếu lý lịch ứng viên do ứng viên tự khai (theo mẫu): 01 bản chính;
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các giấy tờ sau: CCCD/Hộ chiếu hoặc Giấy Đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử): 01 bản chính;
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định;

Người đề cử, ứng cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, hồ sơ đề cử, ứng cử được gửi trực tiếp hoặc gửi thư bảo đảm với điều kiện Ban tổ chức ĐHĐCĐ phải nhận được hồ sơ trong giờ làm việc trước **17h00, ngày 17/12/2025**. Các hồ sơ đề cử mà Công ty nhận được sau thời gian trên là không hợp lệ.

Hồ sơ gửi về: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Địa chỉ: 1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 3974 1135

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

VII. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu vào HĐQT.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau

47
IG
PH
3 N
NG
U-T



VIII. Phương thức bầu cử thành viên HĐQT

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT. Cụ thể theo công thức sau:

Bầu thành viên HĐQT:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tổng số} & & \text{Tổng số cổ phần} & & \text{Số thành viên} \\ \text{phiếu biểu quyết} & = & \text{có quyền biểu quyết} & \times & \text{được bầu của HĐQT} \end{array}$$

- Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.
- Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra Đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Phiếu bầu sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

IX. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã số bầu cử, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện có đóng dấu treo Công ty.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT được xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu. Phiếu bầu HĐQT có màu xanh.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát một (01) Phiếu bầu HĐQT (màu xanh) với tổng số phiếu bầu HĐQT bằng số cổ phần sở hữu hoặc số cổ phần được ủy quyền nhân với 02. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

- Nếu bầu dồn toàn bộ phiếu cho một ứng viên hoặc chia đều phiếu bầu của mình cho nhiều ứng viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" của ứng viên tương ứng, số phiếu bầu sẽ được dồn toàn bộ cho một ứng viên (trường hợp chọn một ứng viên) hoặc chia đều cho các ứng viên được chọn (trường hợp chọn nhiều ứng viên).

Khi cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" số phiếu biểu quyết sẽ được chia đều cho các ứng viên được chọn và lúc này số phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau

389
TỶ
ÁN
GHỊ
HẬ
P. HỒ



mỗi ứng viên được nhận sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần thập phân lẻ nếu có phát sinh sẽ tự động xóa bỏ.

- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông ghi rõ số phiếu biểu quyết cụ thể vào ô "Số phiếu biểu quyết" của các ứng viên tương ứng. Các ứng cử viên không được lựa chọn thì cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông điền số "0" hoặc gạch chéo vào cột "Số phiếu biểu quyết".
- Trong trường hợp Cổ đông/đại diện ủy quyền vừa đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" vừa ghi số lượng vào ô "Số phiếu biểu quyết" thì kết quả được lấy theo số lượng phiếu bầu tại ô "Số phiếu biểu quyết".
- Tổng số phiếu bầu HĐQT trên mỗi tờ phiếu bầu không lớn hơn số cổ phần sở hữu hoặc số cổ phần được ủy quyền nhân với 02.
- Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông phải ký và ghi rõ họ tên dưới phiếu bầu để xác nhận.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: Phiếu bầu do Ban Tổ chức phát hành, được in sẵn, có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Trên mỗi phiếu bầu có ghi số cổ phần sở hữu và tổng số phiếu bầu tương ứng của mỗi cổ đông, đại diện cổ đông.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu
 - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu, kể cả ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - + Gạch tên các ứng cử viên hoặc ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng viên;
 - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
 - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
 - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
 - + Không ký tên và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát. Phiếu bầu cử phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.



- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 21 Điều lệ Công ty)

- Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.
- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

X. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được ĐHĐCĐ thường niên ngày 29/12/2025 thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế để cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



VŨ QUANG CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6



SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng quản trị)

Họ và tên:

Chức vụ hiện tại:

Ứng cử viên: Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	
Giới tính:	
Ngày tháng năm sinh:	
Nơi sinh:	
CMND/CCCD:	
Quốc tịch:	
Địa chỉ thường trú:	
Số ĐT liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	
Quá trình công tác:	
Các chức vụ công tác hiện tại tổ chức niêm yết:	
Các chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ	



chức khác:	
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có):	
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 02/12/2025):	
+ Đại diện sở hữu:	
+ Cá nhân sở hữu:	
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

....., ngày tháng năm 2025

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)





GIẤY ĐỀ NGHỊ ỨNG CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 – 2030

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Tôi tên là:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/GĐKKD số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026): cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty hiện hành, tôi tự ứng cử vào vị trí Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Tôi xin cam đoan có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày..... tháng năm 2025

Người ứng cử

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên do người ứng cử tự khai.
- Bản sao CCCD/Hộ chiếu hoặc Giấy đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức).
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ****THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 – 2030**

(áp dụng cho cổ đông)

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu**

Họ tên cổ đông:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/GĐKKD số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026): cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi đề cử bổ sung:

1. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

2. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau





Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

3.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên do người ứng cử tự khai.
- Bản sao CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có) hoặc Giấy đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức).
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026.



....., ngày..... tháng năm 2025

Người đề cử

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 – 2030

(áp dụng cho cổ đông)



Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Người đại diện nhóm cổ đông:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

(Đính kèm danh sách nhóm cổ đông)

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026) của nhóm cổ đông: cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi đề cử bổ sung:

1. Ông/Bà:

CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

2. Ông/Bà:

CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau





Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

3.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên do người ứng cử tự khai.
- Bản sao CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có) hoặc Giấy đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức).
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026.

....., ngày..... tháng năm 2025

Người đề cử

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG ĐÍNH KÈM
GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG

STT	Họ và tên/ Tên Doanh nghiệp	CCCD/ ĐKKD	Địa chỉ liên lạc	Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến ngày chốt DSCĐ)	Chữ ký cổ đông/chữ ký đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
...					
Tổng cộng					

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP

HÙNG HẬU

--- o0o ---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2025

VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2026

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2025

1. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

CHỈ TIÊU	ĐVT (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2024 và Thực hiện năm 2025		Kế hoạch năm 2025 (01/10/2024- 30/09/2025)	So sánh	
		Thực hiện (01/10/2023- 30/09/2024)	Thực hiện (01/10/2024- 30/09/2025)		TH 2025/TH 2024	TH 2025/KH 2025
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	1.537.926	2.407.221	1.750.000	157%	138%
2. Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	1.417.234	2.243.383			
3. Lợi nhuận gộp bán hàng & cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	120.691	163.838			
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	23.728	35.923			
5. Chi phí tài chính	Triệu đồng	53.218	67.934			
6. Chi phí bán hàng	Triệu đồng	23.014	34.978			
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	26.705	49.338			
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	41.482	47.511			
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	39.669	48.668	52.000	123%	94%



2. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC

2.1 CÔNG TÁC KINH DOANH

- Doanh thu thuần trong năm 2025 là 2.407.221.133.960 đồng đạt 157% so với cùng kỳ



năm 2024 và đạt 138% so với kế hoạch năm 2025.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 là 48.688.022.020 đồng đạt 123% so với cùng kỳ năm 2024 và đạt 94% so với kế hoạch.
- Tỷ trọng doanh thu bán hàng Giá trị gia tăng và tôm:
 - ✓ Châu Á: chiếm 61%, trong đó Hàn Quốc 30%, Nhật Bản 24%, Hồng Kông 4%, các thị trường Châu Á khác 3%;
 - ✓ Châu Âu: chiếm 36%, trong đó Bỉ 19%, Hà Lan 9%, Ý và các thị trường Châu Âu khác: 8%;
 - ✓ Các thị trường khác chiếm 3%.
- Tỷ trọng doanh thu bán hàng Nông sản điều và cà phê:
 - ✓ Châu Á: chiếm 56%, trong đó Trung Đông 36%, ASEAN 19%, Hàn Quốc 1%;
 - ✓ Châu Âu: chiếm 32%, trong đó Nga 17%, Thổ Nhĩ Kỳ 6%, Hà Lan và Rumani 9%
 - ✓ Châu Phi: chiếm 9%
 - ✓ Châu Mỹ (Mỹ và Canada): chiếm 3%
- Các mảng kinh doanh chính: GTGT, Tôm và Nông sản (điều, cà phê) đã phát triển được thành công 32 khách hàng mới mang lại doanh thu đạt trên 20 triệu USD; trong đó có những Khách hàng lớn đạt trên 2 triệu USD/Khách hàng.
- Đặc biệt Mảng kinh doanh nông sản (điều, cà phê) đã vượt trên 100% kế hoạch kinh doanh cho năm 2025.
- Bước đầu phát triển thành công vào 2 thị trường chiến lược lớn trên thế giới là Mỹ và Trung Quốc.
- Đưa thương hiệu HungHau (Logo và nhãn hiệu của Hùng Hậu trên bao bì) vào được các thị trường mới như Nga, Trung Đông, Thổ Nhĩ Kỳ, Hà Lan.
- Phát triển và bán hàng thành công (cả xuất khẩu và nội địa) nhiều dòng sản phẩm chế biến sâu như:
 - ✓ Hàng GTGT có: các sản phẩm dòng dimsum như há cảo bốn mùa; há cảo thoi vàng; há cảo đuôi tôm; dumpling; shaomai...
 - ✓ Hàng hạt điều có: các loại hạt điều tẩm vị như hạt điều vị phô mai; hạt điều vị wasabi, hạt điều vị tomyum, bánh hạt điều dinh dưỡng...
 - ✓ Hàng cà phê có: cà phê hòa tan 3in1; cà phê rang xay nguyên chất...
- Đã tham gia các Hội chợ, Triển lãm lớn trong nước và quốc tế trong năm 2025 để khẳng định mạnh mẽ thương hiệu Hùng Hậu trên thị trường quốc tế và mở rộng, phát triển thêm tập khách hàng như:
 - ✓ China Fisheries Seafood Expo tháng 11/2024 tại Thanh Đảo, Trung Quốc.

738
GTY
PHÁ
NG
NG
TU-T



- ✓ Seafood Expo Global 2025 tháng 05/2025 tại Barcelona , Tây Ban Nha.
- ✓ Seoul Food 2025 tháng 06/2025 tại Gyeonggi (Seoul), Hàn Quốc.
- ✓ Hội chợ Việt Lào 2025 tháng 07/2025 tại Viêng Chăn, Lào
- ✓ Anuga Food 2025 tháng 10/2025 tại Cologne, Đức
- ✓ Hội chợ VietFish 2025 tháng 08/2025 tại TPHCM, Việt Nam
- Đã xây dựng được thành công 3 team PTKD chuyên nghiệp, giỏi nghiệp vụ (có đầy đủ Giám đốc kinh doanh, Trưởng phòng kinh doanh, chuyên viên kinh doanh...) ở cả 3 mảng kinh doanh chính là Hàng GTGT; Hàng Tôm và Hàng Nông sản (điều, cà phê) được phân bổ chi tiêu rõ ràng; thực hiện chăm sóc khách hàng chu đáo và quảng bá thương hiệu.

2.2 CÔNG TÁC SẢN XUẤT

- Chất lượng sản phẩm chính là sự sống còn của Công ty, Chúng tôi không ngừng nâng cao chất lượng để làm hài lòng khách hàng. Với phương châm trên, Công ty luôn tuân thủ:
- Lãnh đạo cấp cao của Công ty luôn chú trọng đến chất lượng và cam kết cung cấp đầy đủ các nguồn lực: Nhân lực, vật lực và kinh phí cho hoạt động kiểm soát chất lượng của Công ty ở mức cao nhất.
- Thu mua nguyên phụ liệu từ các nhà cung cấp có chứng nhận an toàn thực phẩm và có hồ sơ đạt chất lượng, nguồn gốc rõ ràng.
- Các sản phẩm thỏa mãn yêu cầu về chất lượng, sản xuất đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn thực phẩm, không gian lận thương mại, tuân thủ pháp luật, quy định và các yêu cầu của khách hàng.
- Nước thải, rác thải và khí thải đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Thiết lập, thực hiện duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000:2005, BRC 9, ASC/COC, HALAL, HACCP ... bên cạnh đó chúng tôi cũng chú trọng đến chăm lo đời sống cán bộ công nhân tại công ty thông qua việc duy trì và tuân thủ bộ tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội SMETA (Sedex Member Ethical Trade Audit Production).
- Hằng năm Công ty có lịch đào tạo và huấn luyện nâng cao nhận thức về đạo đức, trách nhiệm và trình độ của CB-CNV về hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng các yêu cầu liên quan đến quá trình, sản phẩm và các yêu cầu dịch vụ như:
- Trong năm qua, Công ty đã đầu tư mạnh mẽ và chủ trương áp dụng MMTB để thay thế dần sức lao động con người và đảm bảo môi trường làm việc thuận lợi nhất đến người lao động:

9-
N
C
HIỆP
HẬU
HỒ



✓ Nhà máy số 1, đã đầu tư:

- Đầu tư 2 băng tải cuốn khoai tây, tăng tính tự động và giảm công lao động phục vụ
- Đầu tư 2 băng tải tẩm bột, tăng tính tự động và giảm công lao động phục vụ;
- Đầu tư 01 máy quay tôm công suất 150 kg/mẻ;
- Đầu tư 02 máy rung tôm tăng trọng công suất 200 kg/mẻ;
- Đầu tư 01 máy phân loại tạp chất;
- Đầu tư 01 máy kéo màng co phục vụ sản xuất sản phẩm qui cách bao gói mới;
- Đầu tư cải tạo mới lại toàn bộ nền nhà xưởng theo đúng tiêu chuẩn BRC, HACCP.

✓ Nhà máy số 3, đã đầu tư:

- Đầu tư 01 máy cắt hạt lựu xoài đông công suất 5 tấn/giờ, 100 tấn/ngày;
- Đầu tư dây chuyền da bánh há cảo – dimsum, tăng công suất sản xuất nhà máy lên 4-5 tấn/ngày;
- Đầu tư 1 máy trộn bột, 2 máy cán bột phục vụ sản xuất dòng Dim Sum, Há Cảo.
- Đầu tư 1 băng tải chuyển hàng từ phòng định hình sang cấp đông, giảm công lao động phục vụ.

✓ Nhà máy HAPPYFOOD VIETNAM, đã đầu tư:

- Nhà máy Happyfood Việt Nam đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 04/2025, được đầu tư hệ thống MMTB hiện đại và tự động hóa cao. Nhà máy đã được cấp đầy đủ các chứng nhận HACCP, ISO 22000:2018, BRC 9.
- Hệ thống bàn băng chuyển tự động, máy rửa tôm, máy phân size, máy đuổi tôm, máy quay tăng trọng, máy hấp trứng v.v...;
- Hệ thống cấp đông băng tải và tủ đông gió công suất 40 tấn/ngày;
- Máy rửa nguyên liệu tự động;
- Máy rã đông nguyên liệu;
- Hệ thống lò hơi và băng chuyển tôm hấp;
- Đang lên kế hoạch mua thêm các máy móc thiết bị như: máy tẩm bột, máy định hình nhân, lò trứng v.v...
- Đầu tư phòng kiểm kháng sinh, vi sinh tại nhà máy nhằm chủ động thời gian nhập nguyên liệu.

- Trong năm 2025 Công ty đã phát triển thêm nhiều sản phẩm mới để đáp ứng theo nhu cầu của khách hàng như: các dòng sản phẩm GTGT dimsum; các dòng sản phẩm



hạt điều tẩm vị và cà phê chế biến sâu.

- Nhờ vào các hoạt động đầu tư, cải tiến trong sản xuất mà sản lượng sản xuất tại các Nhà máy thuộc Công ty Nông nghiệp Hùng Hậu trong năm tài chính 2025 tăng so với năm 2024, cụ thể:
- Sản lượng sản xuất tại Nhà máy số 1 trong năm 2025 tăng 20% so với năm 2024.
- Sản lượng sản xuất trong năm 2025 tại Nhà máy số 3 tăng 37 % so với năm 2024.
- Đảm bảo 100% định mức sản xuất từ nguyên liệu chính cho 05 sản phẩm chính giá trị gia tăng đạt định mức chuẩn để ra.
- Đảm bảo 100% sản phẩm, hàng hóa sản xuất không bị nhiễm vi sinh, tạp chất (theo kết quả kiểm tra của Đơn vị bên ngoài/đối tác) tại các Nhà máy.
- Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu lần thứ 05 liên tiếp đạt được chứng nhận Thương hiệu quốc gia với 2 nhãn hiệu Happyfood và OChao.
- Ngày 08/09/2025 nhãn hiệu Happyfood đạt top 10 nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam ngành nghề Thực phẩm – Đồ uống.

2.3 CÔNG TÁC MUA HÀNG

- Đã chủ động mua trữ nguyên liệu/ phụ liệu khi vào vụ có giá tốt để đáp ứng nhu cầu sản xuất trong cả năm 2025.
- Về nguyên liệu đầu vào:
 - ✓ Màng GTGT, Tôm:
 - o Giá các mặt hàng thủy hải sản đầu vào thuộc các loại hàng đánh bắt, nuôi trồng như bạch tuộc, mực, ghẹ, tôm... có giá tốt theo thời vụ.
 - o Các mặt hàng sử dụng sản lượng lớn như khoai tây, bánh tráng... có giá tốt, tuy nhiên giá có sự biến động liên tục theo mùa vụ, thời tiết ...
 - ✓ Màng Điều, Cà phê:
 - o Dự đoán tốt các biến động về giá, để giảm thiểu việc tăng giá đột biến của mặt hàng này.
 - o Mặt hàng Điều và Cà phê được cung ứng đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định xuất khẩu.
 - o Nguồn nguyên liệu hạt điều, cà phê đảm bảo 100% có nguồn gốc từ Việt Nam, đạt tiêu chuẩn về hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, nguồn gốc rõ ràng, được canh tác, thu hoạch, chế biến tại Việt Nam.
- Tìm kiếm và phát triển được hơn 25 nhà cung cấp mới để đảm bảo công tác mua hàng theo nhu cầu sản xuất trong năm.
- Liên kết được 03 vùng nguyên liệu tôm đảm bảo được nguồn tôm có Giấy chứng

320
CÔNG
CỔ
HỮU
HỮU
PH



nhận ASC (Chứng nhận này xác nhận rằng các sản phẩm thủy sản được nuôi theo các nguyên tắc bền vững, từ đó giúp người tiêu dùng yên tâm lựa chọn sản phẩm an toàn và chất lượng).

- Hoàn thành đầu tư máy móc thiết bị, sửa chữa tài sản cố định cho các Nhà máy đúng theo kế hoạch năm tài chính 2025.
- Thực hiện tiết giảm chi phí booking.
- Đảm bảo 100% không xảy ra tiêu cực trong vấn đề mua hàng.
- Đánh giá tổng số lượng hàng hóa mua vào trong năm phục vụ cho sản xuất kinh doanh:
 - ✓ Màng GTGT, Tôm: đạt 100% đã đảm bảo được doanh thu theo kế hoạch đề ra.
 - ✓ Màng Điều, Cà phê: đạt 100% đã đảm bảo được doanh thu theo kế hoạch đề ra.

2.4 CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN:

- Thực hiện quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát tốt công nợ phải thu của khách hàng, không phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi.
- Quản lý tốt hàng hoá tồn kho, kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn, hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Hoàn thành công tác kiểm toán vốn và phát hành báo cáo kiểm toán vốn sau phát hành cổ phiếu 1:1.
- Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.
- Hoàn thành kiểm kê tài sản Công ty.
- Đảm bảo hoàn thành 100% lưu trữ hồ sơ chứng từ kế toán theo đúng quy định.
- Đảm bảo hoàn thành hồ sơ báo cáo thuế cuối năm và Tờ khai tự quyết toán Thuế thu nhập Doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

2.5 NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG ĐÃ NIÊM YẾT:

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ công bố thông tin theo quy định đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như:
 - + Công bố các thông tin liên quan Đại Hội đồng cổ đông; Nghị quyết ĐHĐCĐ và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2025.
 - + Công bố thông tin liên quan nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản năm 2025.
 - + Công bố các thông tin liên quan đến sự thay đổi nhân sự theo đúng quy định.
 - + Công bố các thông tin liên quan đến Quy chế quản trị, Điều lệ công ty.



- + Báo cáo thường niên năm 2024 và Báo cáo tình hình quản trị năm 2024.
- + Báo cáo tài chính Quý 1/2025 và Báo cáo tài chính Quý 1 Hợp nhất năm 2025.
- + Báo cáo tài chính Quý 2/2025 và Báo cáo tài chính Quý 2 Hợp nhất năm 2025.
- + Báo cáo tài chính Quý 3/2025 và Báo cáo tài chính Quý 3 Hợp nhất năm 2025.
- + Báo cáo tài chính Quý 4/2025 và Báo cáo tài chính Quý 4 Hợp nhất năm 2025.
- + Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 và Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất năm tài chính 2025 đã kiểm toán.

2.6 CÔNG TÁC NHÂN SỰ, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH CHẾ ĐỘ:

- Đã hoàn thiện cấu trúc tổ chức; Chức năng nhiệm vụ; Mô tả công việc; Định biên nhân sự các phòng ban.
- Đã hoàn thành công tác bổ sung và kiện toàn các vị trí cán bộ quản lý cấp cao cho Công ty.
- Hoàn thành việc trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trợ cấp ốm đau, thai sản theo đúng quy định.
- Ban chấp hành Công đoàn và cán bộ quản lý đã tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời đối với các trường hợp cán bộ nhân viên có hiếu - hi - ốm đau - thai sản, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.
- Bổ sung thêm các nguồn cung ứng - nhà cung cấp lao động phổ thông cho Nhà máy.
- Xây dựng chính sách tuyển dụng, đảm bảo ổn định đời sống cho công nhân.
- Xây dựng chính sách để giữ chân người lao động có tay nghề, người lao động lâu năm.
- Hoàn thiện xây dựng bộ tiêu chí văn hóa Công ty.
- Đạt $\geq 15\%$ nhân sự/tổng nhân sự tại Công ty được bồi dưỡng, nâng cao trình độ.
- Hoàn thành cử cán bộ nhân viên tham gia chương trình cải tiến/ tham quan các đơn vị cùng ngành.
- Đảm bảo luôn hoàn thành tập huấn an toàn vệ sinh thực phẩm cho cán bộ quản lý, cán bộ nhân viên tại các nhà máy.

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2025:

STT	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2025	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
1	Báo cáo tài chính quý 1 năm 2025.	Thực hiện công bố đúng hạn theo quy định.
2	Báo cáo tài chính quý 2 năm 2025.	Thực hiện công bố đúng hạn theo quy định.
3	Báo cáo tài chính quý 3 năm 2025.	Thực hiện công bố đúng hạn theo quy định.





STT	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2025	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
4	Báo cáo tài chính quý 4 năm 2025.	Thực hiện công bố đúng hạn theo quy định.
5	Chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.	Đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt (cụ thể là Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt) ngày 11/04/2025, đã thực hiện công bố thông tin ngày 11/04/2025.
6	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.	Đã Thực hiện công bố đúng hạn theo quy định.
7	Thù lao HĐQT, thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu năm 2025.	Đã hoàn thành thanh toán đến tháng 09/2025.
8	Cổ tức năm 2024 chi bằng tiền mặt 6,5%/Số cổ phiếu đang lưu hành.	Đã thực hiện chi cổ tức ngày 30/06/2025.
9	Sửa đổi, bổ sung nghề kinh doanh	Đã hoàn thành được Sờ Tài chính Tp. Hồ Chí Minh cấp giấy xác nhận vv thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 09/10/2025 và CBTT điều lệ Công ty ngày 16/10/2025.

III. KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2026

1. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH, KINHDOANH:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2026
Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.950.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	60.000

2. CÔNG TÁC KINH DOANH

- Tiếp tục tập trung khai thác phát triển 3 thị trường chiến lược lớn là Mỹ và Trung Quốc; Trung Đông thông qua kế hoạch:
 - ✓ Đưa vào hoạt động Công ty đại diện của Hùng Hậu có Văn phòng đặt tại Quận Việt Tú, Thành phố Quảng Châu, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc
 - ✓ Đưa vào hoạt động Công ty đại diện của Hùng Hậu có Văn phòng đặt tại Dubai, U.A.E.
 - ✓ Tham dự Hội chợ triển lãm Thủy sản Bắc Mỹ 2026 - Seafood Expo North America tháng 03/2026 tại Boston, Mỹ.
- Tiếp tục khai thác các thị trường hiện hữu: trong đó:
 - ✓ Mạng GTGT, tôm: tập trung phát triển thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Canada, Cộng hòa Séc





- ✓ Màng nông sản (điều, cà phê): tập trung phát triển thị trường Đức, Anh, Pháp.
- Phát triển thêm các thị trường tiềm năng mới như: Khối BRICS, Khối ASEAN, Thị trường Halal.
- Đảm bảo doanh thu khách hàng hiện hữu, mục tiêu 80% khách hàng hiện hữu có doanh thu tăng 10%/khách hàng/năm so với năm 2025.
- Tiếp tục tham gia các Hội chợ/ triển lãm quốc tế lớn để khẳng định thương hiệu Hùng Hậu trên thị trường quốc tế và mở rộng, phát triển thêm tập khách hàng như:
 - ✓ Seafood Expo North America tại Boston, Mỹ vào tháng 3/2026
 - ✓ Seafood Expo Global tại Tây Ban Nha vào tháng 5/2026
 - ✓ Sial China 2026 tại Thượng Hải, Trung Quốc vào tháng 05/2026
 - ✓ Seoul Food Expo tại Seoul, Hàn quốc vào tháng 06/2026
 - ✓ Japan Seafood Expo Tokyo tại Tokyo, Nhật vào tháng 8/2026
 - ✓ Anuga Food 2026 tại Đức vào tháng 10/2026
- Phát triển thành công 40 khách hàng mới có phát sinh doanh thu.
- Tham gia các chương trình diễn đàn, kết nối giao thương B2B trong nước và quốc tế do các cơ quan xúc tiến thương mại tổ chức.
- Tiếp tục phát huy bán hàng mang thương hiệu Hùng Hậu/đồng thương hiệu Hùng Hậu.
- Đảm bảo có 01 khách hàng đạt doanh thu $\geq 5.000.000$ USD/khách/năm, 03 khách hàng đạt doanh thu $\geq 2.000.000$ USD/khách/năm và 06 khách hàng đạt doanh thu $\geq 1.000.000$ USD/khách/năm.

3. CÔNG TÁC SẢN XUẤT

- Tiếp tục kiên định đầu tư sản xuất theo định hướng "SJ1 là công ty sản xuất công nghiệp dựa trên nguồn nguyên liệu đầu vào là nông nghiệp"
- Liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, ASC/COC, HALAL, HACCP, SMETA; Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng.
- Sản lượng sản xuất tại các Nhà máy của Công ty đạt 15.209 tấn/năm 2026, tăng 160% so với năm 2025.
- Đảm bảo vận hành máy móc thiết bị, phục vụ 100% kế hoạch sản xuất.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị cho Nhà máy.
 - ✓ Nhà máy số 1 (Hàng GTGT):
 - Đầu tư máy bào vỏ khoai tây tăng năng suất và tiết kiệm công lao động 10 người;
 - Đầu tư hệ thống đóng gói tự động tiết giảm 5-6 nhân sự khâu bao

2047
ÔNG
CỔ PH
NG N
HÙNG
HỮU-T



gói/chuyển;

- Đầu tư hệ thống cân tự động để tiết giảm nhân sự thống kê và áp dụng phân tích số liệu tự động qua phần mềm.
- ✓ Nhà máy số 3 (Hàng GTGT):
 - Đầu tư hệ thống dây chuyền cuốn quăn Chà giò, Há Cào
 - Đầu tư máy hút chân không;
 - Đầu tư máy sần rau củ đa năng;
 - Đầu tư máy vắt ly tâm.
- ✓ Nhà máy tôm HAPPYFOOD VIETNAM:
 - Đầu tư dây chuyền tẩm bột tôm tự động;
 - Đầu tư dây chuyền định hình nhân và tẩm bột bánh tôm tự động.
- Hoàn thành và đưa vào ứng dụng hình thức quét mã vạch trên sản phẩm để truy xuất nguồn gốc sản phẩm và quản lý sản xuất.
- Hoàn thành nghiên cứu các sản phẩm có bí quyết công nghệ riêng.

4. CÔNG TÁC MUA HÀNG

- Liên tục theo dõi/cập nhật tình hình biến động giá nguyên liệu trên thị trường (tôm, bạch tuộc, cá, nông sản điều, cà phê...) để điều chỉnh việc mua hàng trong nước và nhập khẩu phù hợp.
- Dự kiến trong năm tới sẽ thực hiện cung ứng loại hạt điều theo tiêu chuẩn Organic, và cung cấp sản phẩm xuất khẩu đạt tiêu chuẩn EUDR – EU Deforestation Regulation (chống phá rừng của EU). Tận dụng lợi thế khi Nguyên phụ liệu vào vụ có giá tốt sẽ mua vào dự trữ đáp ứng nhu cầu sản xuất cung cấp sản phẩm quanh năm và có được lợi nhuận tốt.
- Phát triển thêm 20 nhà cung cấp mới, có nguồn cung ổn định đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu.
- Liên kết thành công 03 vùng nguyên liệu/ nhà cung cấp về nuôi trồng thủy sản đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu của Nhà máy, có sản lượng thể hiện trên hợp đồng liên kết là 200 tấn/năm.
- Đảm bảo công tác mua hàng đáp ứng 100% nhu cầu sản xuất.
- Hoàn thành đầu tư máy móc thiết bị cho các nhà máy đúng danh mục đầu tư.
- Đảm bảo 100% cung cấp đúng hạn về giá booking CFR cho phòng Xuất nhập khẩu kịp tiến độ khai báo hải quan theo quy định của Cơ quan Nhà nước.

5. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động





sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện quyết toán thuế tại Công ty.
- Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.
- Đảm bảo 100% không phát sinh nộp phạt từ Cơ quan quản lý Nhà nước về việc nộp báo cáo không đúng quy định.
- Hoàn thành ghi nhận đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế ngay lúc phát sinh giao dịch đúng kỳ kế toán theo quy định chuẩn mực kế toán.
- Hoàn thành ghi nhận các khoản chi phí tương ứng với khoản doanh thu trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc phù hợp của chuẩn mực kế toán và theo quy định của Công ty.
- Hoàn thành lưu trữ hồ sơ chứng từ kế toán theo đúng quy định.
- Hoàn thành đánh giá giá trị hàng tồn kho theo giá trị thị trường định kỳ 06 tháng.
- Hoàn thành kiểm kê tài sản tại Công ty.

6. CÔNG TÁC NHÂN SỰ, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH CHẾ ĐỘ

- Tiếp tục bổ sung các nguồn cung ứng - nhà cung cấp lao động phổ thông cho Nhà máy đảm bảo không thiếu hụt nhân công cho các Nhà máy.
- Hoàn thành tuyển dụng nhân sự đa quốc gia làm việc tại các Văn phòng đại diện của Công ty tại nước ngoài (Trung Quốc; Hàn Quốc, Dubai...).
- Đạt "Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2025" - Ngành Thực phẩm – Đồ uống" do Báo Tài chính – Đầu Tư (Bộ Tài Chính) và Viet Research đánh giá.
- Triển khai xây dựng/cải tạo Văn phòng đạt tiêu chuẩn "Văn phòng xanh", theo mô hình Công ty đa quốc gia.
- Rà soát/Cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống người lao động.
- Đảm bảo đạt 04 giải thưởng quốc gia.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG TÂN



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01.2025/BC-HĐQT

TP. HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM TÀI CHÍNH 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm tài chính 2026 về kết quả hoạt động năm tài chính 2025 và định hướng kế hoạch năm tài chính 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM TÀI CHÍNH 2025

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty

a. Chi tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 2.407.221 triệu đồng, vượt 38% so với kế hoạch và tăng 57% so với cùng kỳ năm 2024.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 48.668 triệu đồng, bằng 94% so với kế hoạch và vượt 23% so với cùng kỳ năm 2024.
- Tổng tài sản tại ngày 30/09/2025 đạt 1.991.625 triệu đồng, tăng 48% so với cùng thời điểm của năm 2024, trong đó:
 - + Tài sản ngắn hạn tại ngày 30/9/2025 đạt 1.165.914 triệu đồng, tăng 52% so với cùng thời điểm của năm 2024.
 - + Tài sản dài hạn tại ngày 30/09/2025 đạt 825.711 triệu đồng, tăng 44% so với cùng thời điểm của năm 2024.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/09/2025 đạt 625.668 triệu đồng, tăng 73% so với cùng thời điểm của năm 2024.

b. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

- Ban Điều hành Công ty thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hiểm, tiền lương, tiền thưởng và các phúc lợi theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- Ban Điều hành tổ chức tốt công tác đánh giá, xếp loại và thi đua khen thưởng nhằm động viên, các chương trình đào tạo cán bộ quản lý chủ chốt điều hành nhằm khuyến khích phát triển nhân lực cũng như tăng cường công tác giám sát và thúc đẩy hoạt động của Công ty.



c. Sản xuất

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 22000:2005, BRC 9, ASC/COC, HALAL, HACCP ... bên cạnh đó chúng tôi cũng chú trọng đến chăm lo đời sống cán bộ công nhân tại công ty thông qua việc duy trì và tuân thủ bộ tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội SMETA (Sedex Member Ethical Trade Audit Production); kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng.
- Kiểm soát chất lượng hàng sản xuất: đảm bảo $\geq 99\%$ sản phẩm, hàng hóa sản xuất không bị nhiễm vi sinh, tạp chất (theo kết quả kiểm tra của Đơn vị bên ngoài/đối tác) tại các Nhà máy.
- Duy trì kiểm soát nguyên liệu sản xuất, đảm bảo chất lượng và tiến độ sản xuất.
- Nước thải, rác thải và khí thải đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Duy trì kiểm soát chi phí: điện, nước, nước thải, chi phí bảo trì, sửa chữa, công cụ dụng cụ.
- Rà soát đơn hàng, kế hoạch sản xuất hàng tháng đối với các Bộ phận, Phòng ban liên quan nhằm đảm bảo kịp thời cho hoạt động sản xuất - xuất khẩu.
- Đảm bảo vận hành máy móc thiết bị, phục vụ 100% tiến độ sản xuất.
- Trong năm qua, Công ty đã đầu tư mạnh mẽ và chủ trương áp dụng MMTB để thay thế dần sức lao động con người và đảm bảo môi trường làm việc thuận lợi nhất đến người lao động:
 - ❖ Nhà máy số 1:
 - + Đầu tư 2 băng tải cuốn khoai tây, tăng tính tự động và giảm công lao động phục vụ;
 - + Đầu tư 2 băng tải tẩm bột, tăng tính tự động và giảm công lao động phục vụ;
 - + Đầu tư 01 máy quay tôm công suất 150 kg/mê;
 - + Đầu tư 02 máy rung tôm tăng trọng công suất 200 kg/mê;
 - + Đầu tư 01 máy phân loại tạp chất;
 - + Đầu tư 01 máy kéo màng co phục vụ sản xuất sản phẩm qui cách bao gói mới;
 - + Đầu tư cải tạo mới lại toàn bộ nền nhà xưởng theo đúng tiêu chuẩn BRC, HACCP
 - ❖ Nhà máy số 3:
 - + Đầu tư 01 máy cắt hạt lựu xoài đồng công suất 5 tấn/giờ, 100 tấn/ngày;
 - + Đầu tư dây chuyền da bánh há cảo – dimsum, tăng công suất sản xuất nhà máy lên 4-5 tấn/ngày;
 - + Đầu tư 1 máy trộn bột, 2 máy cán bột phục vụ sản xuất dòng Dim Sum, Há Cảo.



- + Đầu tư 1 băng tải chuyển hàng từ phòng định hình sang cấp đông, giảm công lao động phục vụ.
- ❖ Nhà máy Happyfood Vietnam:
 - + Nhà máy Happyfood Việt Nam đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 04/2025, được đầu tư hệ thống MMTB hiện đại và tự động hóa cao. Nhà máy đã được cấp đầy đủ các chứng nhận HACCP, ISO 22000:2018, BRC 9.
 - + Hệ thống bàn băng chuyển tự động, máy rửa tôm, máy phân size, máy đuôi tôm, máy quay tăng trọng, máy hấp trứng v.v...;
 - + Hệ thống cấp đông băng tải và tủ đông gió công suất 40 tấn/ngày;
 - + Máy rửa nguyên liệu tự động;
 - + Máy rã đông nguyên liệu;
 - + Hệ thống lò hơi và băng chuyển tôm hấp;
 - + Đang lên kế hoạch mua thêm các máy móc thiết bị như: máy tấm bột, máy định hình nhân, lò trứng v.v...
 - + Đầu tư phòng kiểm kháng sinh, vi sinh tại nhà máy nhằm chủ động thời gian nhập nguyên liệu

2. Hoạt động của HĐQT

HĐQT luôn xác định trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Đồng thời, HĐQT tiếp tục hoàn thiện năng lực quản trị Công ty, phù hợp với những thông lệ và chuẩn mực.

Trong năm tài chính 2025, HĐQT đã tổ chức 23 cuộc họp và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

- Thông qua việc chọn Đơn vị kiểm toán để soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 là Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt (cụ thể là ký hợp đồng với Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt).
- Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt 6,5%/số cổ phiếu đang lưu hành.
- Thông qua việc lấy kiến cổ đông bằng văn bản để sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.
- Thông qua việc thành lập Văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh mới của Công ty.
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty, cụ thể: cập nhật địa chỉ trụ sở chính công ty do thay đổi địa giới hành chính mới và cập nhật ngành nghề kinh doanh sau khi được Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh cấp giấy xác nhận về việc sửa đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh.



3. Báo cáo hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT

3.1. Tiểu ban Chiến lược

❖ **Các công tác đã thực hiện trong năm tài chính 2025:**

- a. Tham mưu cho HĐQT định hướng hoạt động ngắn hạn và dài hạn, những mục tiêu mang tính chiến lược của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu; tham mưu HĐQT các giải pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của đơn vị.
- b. Nghiên cứu, phân tích, nhận định các điểm mạnh/điểm yếu, các điểm khác biệt của công ty so với các công ty đối thủ trong ngành.
- c. Tham mưu và triển khai các mục tiêu trọng tâm kinh doanh để đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch đề ra đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- d. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách, định hướng phát triển trong hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- e. Nghiên cứu, phân tích, nhận định các thị trường chiến lược, thị trường tiềm năng trong thời gian tới cho hoạt động kinh doanh của Công ty, kết nối các đối tác Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức, Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc.... để có phương hướng liên kết, hợp tác để đảm bảo đầu ra cho các dự án mới của công ty.
- f. Tham mưu công tác ứng phó, thích ứng linh hoạt với tình hình chiến sự Ukraine, chính sách thuế của Mỹ nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, ổn định.
- g. Tham mưu và xây dựng thương hiệu, chiến lược marketing trong năm 2025, lấy chất lượng sản phẩm làm nền tảng, thấu hiểu thị trường để định hướng xác định giá trị cốt lõi.
- h. Phân tích, xem xét đánh giá lại cơ cấu sản phẩm, cơ cấu khách hàng và chính sách về giá; rà soát lại công tác mua hàng, chi phí đầu vào để tối ưu thuế và tối ưu vốn lưu động. Về mục tiêu tăng thu trong nền kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động, tìm kiếm và phát triển khách hàng chiến lược, hài hòa lợi ích cùng phát triển, tăng cường đội ngũ sales và có chính sách ưu đãi thích hợp.
- i. Phát triển thị trường khách hàng tại các quốc gia thuộc BRICS và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tiện lợi từ nguyên liệu tôm, cá, cà phê, hạt điều.
- j. Đánh giá quy mô năng lực sản xuất các nhà máy, kho vận, góp ý để xuất cải tiến quy trình kỹ thuật công nghệ, đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất tại nhà máy. Tham mưu các phương án đầu tư, phân bổ lại nguồn lực đầu tư nhằm tối ưu hiệu quả và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, xác định công năng, quy mô xây dựng các nhà máy mới (dự án nhà máy HappyFood Vietnam và nhà máy chế biến nông sản, thủy sản Hùng Hậu).



- k. Tham mưu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh Sơ đồ tổ chức (SĐTC) và điều chỉnh định biên nhân sự theo mô hình SĐTC mới.
- l. Đưa nhà máy HappyFood Vietnam – Công ty TNHH HappyFood Vietnam đi vào hoạt động.
- m. Tăng cường phát triển mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, phát triển thêm các ngân hàng đối tác mới đồng thời hoàn thành tất toán, tăng hạn mức tín dụng.
- n. Phối hợp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành công tác chào bán cổ phiếu ra công chúng
- o. Hoàn thành công tác chi lương thưởng trong kỳ lễ tết nguyên đán.

❖ **Kế hoạch định hướng năm tài chính 2026:**

- Tập trung khai thác phát triển 3 thị trường chiến lược lớn là Mỹ và Trung Quốc; Trung Đông
- Tiếp tục tập trung chăm sóc và khai thác tối đa các thị trường hiện hữu.
- Phát triển thêm các thị trường tiềm năng mới như: Khối BRICS, Khối ASEAN, Thị trường Halal.
- Tiếp tục tham gia các Hội chợ/triển lãm quốc tế lớn để khẳng định thương hiệu Hùng Hậu trên thị trường quốc tế và mở rộng, phát triển thêm tập khách hàng.
- Tham gia các chương trình diễn đàn, kết nối giao thương B2B trong nước và quốc tế do các cơ quan xúc tiến thương mại tổ chức.
- Tiếp tục phát huy bán hàng mang thương hiệu Hùng Hậu/đồng thương hiệu Hùng Hậu.
- Hỗ trợ tìm kiếm, kết nối các kênh bán hàng hiện đại nhằm đa dạng hóa thị trường, đối tượng khách hàng.
- Hỗ trợ tìm kiếm, kết nối các đối tác, nhà đầu tư liên kết hợp tác trên tinh thần đôi bên cùng có lợi.

3.2. Tiểu ban nhân sự - lương thưởng

❖ **Các công tác đã thực hiện trong năm tài chính 2025**

- Thực hiện các công tác tham mưu cho HĐQT:
 - + Tham mưu xây dựng Sơ đồ tổ chức và Phân cấp phân quyền.
 - + Tham mưu việc bổ nhiệm/miễn nhiệm CBQL cấp cao.
 - + Tham mưu việc ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, điều hành.
 - + Tham mưu các giải pháp nhân sự trong tình hình kinh tế thế giới đang gặp khó khăn nhằm tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
 - + Tham mưu hỗ trợ người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.
(VD: CBNV có hoàn cảnh khó khăn: cần phẫu thuật ảnh hưởng đến sức khỏe, gia cảnh neo đơn, ảnh hưởng bão lũ,...)
 - + Soát xét gói thù lao HĐQT năm 2025.
- Giám sát các hoạt động:



- + Thực hiện Quy định tính thu nhập và các chính sách khen thưởng – chế tài của Công ty.
- + Giám sát việc thực hiện các chính sách nhân sự/lương thưởng/hỗ trợ nhân sự.
- + Tính tuân thủ các chính sách lương, thưởng; tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều hành cấp cao của Công ty.
- + Hoạt động hoạch định nhân sự kế thừa.
- + Giám sát việc chi thù lao HĐQT, các tiểu ban năm 2025.

❖ **Kế hoạch định hướng năm tài chính 2026**

- Tiếp tục thực hiện các công việc thuộc chức năng nhiệm vụ của Tiểu ban Nhân sự - lương thưởng được quy định trong Điều lệ của Công ty.
- Tiếp nhận các công việc được phân công từ HĐQT.
- Thực hiện các công tác tham mưu:
 - + Xây dựng Chính sách hỗ trợ - đãi ngộ phù hợp với tình hình thực tế hiện tại của Công ty.
 - + Các trường hợp CBQL cấp cao được bổ nhiệm/thôi nhiệm.
 - + Soát xét thù lao HĐQT năm tài chính 2025 và đề xuất thù lao năm tài chính 2026.
- Thực hiện giám sát:
 - + Hoạt động hoạch định nhân sự kế thừa và phát triển nhân sự.
 - + Chương trình đào tạo đội ngũ nhân sự phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - + Giám sát việc thực hiện, tính tuân thủ các quy trình, quy định, chính sách lương, thưởng; tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều hành cấp cao của Công ty.

4. Đánh giá kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT luôn theo dõi và đánh giá cao việc Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện kịp thời và hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT, cũng như việc cụ thể hóa các giải pháp, kế hoạch, phương án cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

HĐQT ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm của Ban Tổng Giám đốc nhằm có được những thay đổi tích cực trong hoạt động kinh doanh.

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, các Quy chế, Quy định quản trị nội bộ và pháp luật hiện hành, HĐQT đã có những hoạt động giám sát cụ thể như sau:

- Thường xuyên chỉ đạo sát sao Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động đầu tư dự án, tìm kiếm thị trường bán hàng mới, giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm và Báo cáo thường niên.



- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo đúng quy định.
- Luôn bám sát các mục tiêu Nghị quyết, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời linh hoạt theo tình hình biến động của thị trường.

5. Báo cáo thù lao HĐQT năm tài chính 2025

Thù lao của HĐQT, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc năm tài chính 2025, như sau:

STT	Họ và tên	Đơn vị tính	Năm 2025
1	Ông Từ Thanh Phụng	Đồng	18.000.000
2	Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Đồng	15.300.000
3	Bà Huỳnh Thanh	Đồng	13.500.000
4	Bà Lê Thị Thùy Phương	Đồng	13.500.000
5	Ông Vũ Quang Chính	Đồng	67.500.000
6	Bà Nguyễn Yến	Đồng	45.900.000
7	Ông Nguyễn Hoàng Tân	Đồng	40.500.000
8	Bà Phạm Thị Vân	Đồng	40.500.000
9	Ông Trần Huy Hoàng	Đồng	40.500.000
	Tổng		295.200.000

6. Đánh giá thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, bất thường

STT	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2024	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
1	Chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025	Đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt ngày 11/04/2025, đã thực hiện công bố thông tin ngày 11/04/2025.
2	Thù lao HĐQT, thư ký HĐQT năm tài chính 2025	Đã hoàn thành thanh toán đến tháng 09/2025.
3	Cổ tức năm 2024 chi bằng tiền mặt 6,5%/số cổ phiếu đang lưu hành.	Đã thực hiện hoàn thành trong tháng 06/2025.
4	Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty	Đã hoàn thành: - Đã CBTT Nghị quyết ĐHĐCĐ và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản năm 2025 ngày 09/9/2025. - Đã CBTT điều lệ Công ty ngày 16/10/2025.



II. PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2026

1. Các chỉ tiêu cơ bản

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2026
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.950.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	60.000
3	Cổ tức dự kiến	%/năm	Từ 6 – 10%

2. Các giải pháp thực hiện

- Phương án tập trung khai thác phát triển 3 thị trường chiến lược lớn là Mỹ và Trung Quốc; Trung Đông thông qua kế hoạch:
 - + Đưa vào hoạt động Công ty đại diện của Hùng Hậu có Văn phòng đặt tại Quận Việt Tú, Thành phố Quảng Châu, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc
 - + Đưa vào hoạt động Công ty đại diện của Hùng Hậu có Văn phòng đặt tại Dubai, U.A.E
 - + Tham dự Hội chợ triển lãm Thủy sản Bắc Mỹ 2026 - Seafood Expo North America tháng 03/2026 tại Boston, Mỹ.
- Tập trung khai thác thị trường hiện hữu, đặc biệt tập trung thị Hàn Quốc, Nhật Bản, Canada, Cộng hòa Séc đối với mặt hàng giá trị gia tăng và tôm; thị trường Trung Quốc tập trung mặt hàng nông sản, tôm nguyên liệu và cá tra đông lạnh; thị trường Đức, Anh, Pháp đối với mặt hàng trường nông sản (điều, cà phê). Ngoài ra, đẩy mạnh phát triển thị trường tiềm năng mới như: Khối BRICS, Khối ASEAN, Thị trường Halal.
- Tập trung đẩy mạnh mặt hàng chủ lực của công ty nhằm đẩy mạnh sản lượng và doanh thu.
- Tham gia các chương trình diễn đàn, kết nối giao thương B2B trong nước và quốc tế do các cơ quan xúc tiến thương mại tổ chức.
- Đẩy mạnh công tác đưa thương hiệu HungHau ra nước ngoài, thể hiện logo HungHau trên các bao bì xuất khẩu; quảng bá thương hiệu HungHau thông qua các khách hàng hiện hữu và thông qua các hội chợ trong và ngoài nước, các mạng xã hội và kênh B2B khác.
- Kiên định đầu tư sản xuất theo định hướng *"SJI là công ty sản xuất công nghiệp dựa trên nguồn nguyên liệu đầu vào là nông nghiệp"*.
- Thực hiện rà soát, theo dõi và thực hiện các biện pháp cải tiến đáp ứng mục tiêu về: sản lượng, định mức, chất lượng, kỹ thuật cơ điện, đầu tư MMTB, phát triển sản phẩm mới.
- Đầu tư MMTB giảm công lao động và tăng năng suất như: Băng tải chế biến tự động, bàn băng tải trong sản xuất, tự động hóa các MMTB khác.
- Thực hiện kiểm soát nguyên liệu đầu vào theo đúng tiêu chuẩn nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường khó tính như: Nhật Bản, Mỹ, EU, Hàn Quốc...
- Duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, ASC/COC,



HALAL, HACCP, SMETA; Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng.

- Hoàn thành và đưa vào ứng dụng hình thức quét mã vạch trên sản phẩm để truy xuất nguồn gốc sản phẩm và quản lý sản xuất.
- Hoàn thành nghiên cứu các sản phẩm có bí quyết công nghệ riêng.
- Liên tục theo dõi/cập nhật tình hình biến động giá nguyên liệu trên thị trường (tôm, bạch tuộc, cá, nông sản điều, cà phê...) để điều chỉnh việc mua hàng trong nước và nhập khẩu phù hợp.
- Chủ động tích trữ nguyên liệu có giá tốt dựa vào nhu cầu đặt hàng của khách hàng.
- Dự kiến trong năm tới sẽ thực hiện cung ứng loại hạt điều theo tiêu chuẩn Organic, và cung cấp sản phẩm xuất khẩu đạt tiêu chuẩn EUDR – EU Deforestation Regulation (chống phá rừng của EU). Tận dụng lợi thế khi Nguyên phụ liệu vào vụ có giá tốt sẽ mua vào dự trữ đáp ứng nhu cầu sản xuất cung cấp sản phẩm quanh năm và có được lợi nhuận tốt.
- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục bổ sung các nguồn cung ứng - nhà cung cấp lao động phổ thông cho Nhà máy đảm bảo không thiếu hụt nhân công cho các Nhà máy.
- Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển.
- Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề và người lao động lâu năm.
- Hoàn thành tuyển dụng nhân sự đa quốc gia làm việc tại các Văn phòng đại diện của Công ty tại nước ngoài (Trung Quốc; Hàn Quốc, Dubai...).
- Đạt "Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2025" – Ngành Thực phẩm – Đồ uống" do Báo Tài chính – Đầu Tư (Bộ Tài Chính) và Viet Research đánh giá
- Triển khai xây dựng/cải tạo Văn phòng đạt tiêu chuẩn "Văn phòng xanh", theo mô hình Công ty đa quốc gia.
- Xây dựng mô hình bán hàng hoạt động 24/7.

III. PHẦN KẾT LUẬN

Trong năm tài chính 2026, HĐQT sẽ tiếp tục nâng cao vai trò quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, kiểm tra, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc cũng như Ban Điều hành thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT để đạt được các mục tiêu đã cam kết với cổ đông.

Thông qua hoạt động quản trị và xây dựng chiến lược kinh doanh, HĐQT tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, mở rộng phát triển khách hàng và nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu mong muốn nhận được sự ủng hộ và gần bó của các Quý cổ đông để cùng vượt qua mọi thách thức và hoàn thành những mục tiêu dài hạn của Công ty.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

VŨ QUANG CHÍNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

Số: 02.2026/BC-HHA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP NĂM 2025

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Tôi – Trần Huy Hoàng, báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trong năm tài chính 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN:

1. Các công tác đã thực hiện trong năm 2025

- Trong năm tài chính 2025, Ủy ban Kiểm toán đã tổ chức các buổi làm việc định kỳ với mục đích thẩm định báo cáo tài chính mỗi quý.
- Ủy ban Kiểm toán được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cuộc họp khác của Công ty.
- Trong năm, Ủy ban Kiểm toán không nhận thêm thù lao khác ngoài thù lao của HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2025.
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không phát sinh.
- Ủy ban Kiểm toán đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2025. Cụ thể như sau:
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
 - Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
 - Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.



2. Kế hoạch định hướng trong năm 2026

- Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục triển khai, thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.
- Tham gia phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng như các Phòng ban để tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty nhằm sớm phát hiện các vi phạm, thiếu sót để chấn chỉnh kịp thời theo đúng quy định.
- Thường xuyên tham gia cùng HĐQT, Ban Điều hành hoàn thiện hệ thống các quy định (quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức chi phí kinh doanh...) về quản trị nội bộ Công ty.
- Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tập trung vào các mục tiêu tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ điều lệ công ty. Các nghị quyết ban hành trong các cuộc họp của Hội đồng Quản trị có nội dung phù hợp với Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ.
- Ủy ban Kiểm toán đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2025 phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025.
- Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Nghị quyết liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT; Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.
- Trong năm 2025 Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:
 - NQ số 17.2024/NQ-HĐQT ngày 15/10/2024 vv thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
 - NQ số 01.2025/NQ-HĐQT ngày 25/10/2024 vv chấp thuận đơn từ nhiệm và miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Vũ Quang Chính; thông qua bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Vũ Quang Chính; thông qua bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Nguyễn Hoàng Tân.

- QĐ số 01.2025/QĐ-HĐQT ngày 25/10/2024 vv bổ nhiệm Ông Vũ Quang Chính giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- QĐ số 02.2025/QĐ-HĐQT ngày 25/10/2024 vv thôi nhiệm Ông Vũ Quang Chính giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- QĐ số 03.2025/QĐ-HĐQT ngày 25/10/2024 vv bổ nhiệm Ông Nguyễn Hoàng Tân giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- NQ số 02.2025/NQ-HĐQT ngày 25/10/2024 vv sửa đổi Điều lệ Công ty, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán bổ sung với VSDC và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung với HNX.
- NQ số 03.2025/NQ-HĐQT ngày 08/11/2024 vv thông qua thời gian dự kiến chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025: Ngày 28/11/2024 (Thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025: Ngày 24/12/2024 đến ngày 30/12/2024).
- NQ số 04.2025/NQ-HĐQT ngày 22/11/2024 vv chấp thuận đơn xin từ nhiệm và thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Nguyễn Viết Thúy An, ông Lê Phạm Công Hoang, ông Nguyễn Văn Dol; thông qua bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Nguyễn Thu Trang; thông qua bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với: Bà Phạm Thị Bích Như; Bà Nguyễn Thị Bích Thuận; Ông Nguyễn Văn Quốc.
- QĐ số 04.2025/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2024 vv thôi nhiệm Bà Nguyễn Viết Thúy An giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- QĐ số 05.2025/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2024 vv thôi nhiệm Ông Lê Phạm Công Hoang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- QĐ số 06.2025/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2024 vv thôi nhiệm Ông Nguyễn Văn Dol giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- QĐ số 07.2025/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2024 vv bổ nhiệm Bà Phạm Thị Bích Như giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- QĐ số 08.2025/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2024 vv bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Quốc giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- QĐ số 09.2025/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2024 vv bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Bích Thuận giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.



- QĐ số 10.2025/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2024 vv bổ nhiệm Bà Nguyễn Thu Trang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- NQ số 05.2025/NQ-HĐQT ngày 25/11/2024 vv thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm tài chính 2025.
- NQ 06.2025/NQ-HĐQT ngày 25/11/2024 vv chấp thuận đơn xin từ nhiệm và miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với Bà Nguyễn Yến.
- QĐ số 11.2025/QĐ-HĐQT ngày 25/11/2024 vv thôi nhiệm Bà Nguyễn Yến giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- NQ số 07.2025/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 vv thông qua bổ nhiệm Ông Vũ Quang Chính giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu; thông qua bổ nhiệm Bà Nguyễn Yến giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu; thống nhất Ông Trần Huy Hoàng là thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- NQ số 08.2025/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 vv chấp thuận đơn xin từ nhiệm và thông qua thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Phạm Thị Bích Như; thông qua việc bổ nhiệm Bà Lê Thị Hằng giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu; chấp thuận đơn xin từ nhiệm và thông qua thôi nhiệm chức vụ Thư ký HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với Bà Nguyễn Thị Hằng; thông qua bổ nhiệm Bà Cù Mỹ Trinh giữ chức vụ Thư ký HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- NQ số 09.2025/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 vv thông qua ký kết hợp đồng, giao dịch đối với đối tượng có liên quan của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- NQ số 10.2025/NQ-HĐQT ngày 16/01/2025 vv thông qua danh sách thành viên của Ủy ban Kiểm toán và các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.
- NQ số 11.2025/NQ-HĐQT ngày 11/04/2025 vv chọn Đơn vị kiểm toán để soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 là Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.
- NQ số 12.2025/NQ-HĐQT ngày 09/05/2025 vv chấp thuận đơn xin từ nhiệm và thông qua thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Nguyễn Thu Trang; chấp thuận đơn xin từ nhiệm và thông qua thôi nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Nguyễn Thị Mỹ Diệu; thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Võ Thị Minh Trang; thông qua



việc bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Lâm Bích Ngọc.

- NQ số 13.2025/NQ-HĐQT ngày 15/05/2025 vv thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm tài chính 2025; thông qua phương hướng thực hiện kế hoạch kinh doanh 06 tháng cuối năm tài chính 2025; thông qua báo cáo của các tiểu ban về đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT; thông qua thời gian chi trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2025, thực hiện trong tháng 06/2025.
- NQ số 14.2025/NQ-HĐQT ngày 03/06/2025 vv thành lập Văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- NQ số 15.2025/NQ-HĐQT ngày 10/06/2025 vv thông qua về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt.
- NQ số 16.2025/NQ-HĐQT ngày 20/06/2025 vv thành lập Địa điểm kinh doanh của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- NQ số 17.2025/NQ-HĐQT ngày 23/07/2025 vv ông ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu bỏ phiếu tán thành việc giải thể Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu.
- NQ số 18.2025/NQ-HĐQT ngày 05/08/2025 vv tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- NQ số 19.2025/NQ-HĐQT ngày 29/09/2025 vv chấp thuận đơn xin từ nhiệm và thông qua thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Võ Thị Minh Trang; thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Lê Phạm Công Hoang.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên điều hành các công việc trong công ty, thực hiện triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của HĐQT đến các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ để thực hiện.
- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2025:
 - Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 48,668 tỷ đồng, đạt 93,59% so với kế hoạch năm 2025 là 52 tỷ đồng.
 - Về điều hành sản xuất và quản lý chất lượng: Thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm TCVN ISO 9001:2008; tiêu chuẩn BRC; ASC; HALAL; HACCP và theo tiêu chuẩn của khách hàng.
 - Về chế độ chính sách cho người lao động: Công ty thực hiện đúng Luật lao động, hợp đồng lao động, việc chi trả lương/thưởng theo đúng chính sách Công ty quy định.



- Về công tác tài chính: Công ty luôn có những quyết định tài chính đúng đắn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nhận xét của Ủy ban Kiểm toán:
 - Các hoạt động của Công ty trong năm 2025 thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cũng như Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.
 - Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho Doanh nghiệp niêm yết.

III. GIÁM SÁT THỰC HIỆN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. Áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty là rõ ràng và đáng tin cậy.
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt (cụ thể là Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt) là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Ủy ban Kiểm toán chưa phát hiện thấy sai sót mang tính trọng yếu ảnh hưởng đến tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025.

3. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30/09/2025 (Đơn vị tính: Đồng)

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN	NGÀY 30/09/2025	NGÀY 01/10/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.165.914.019.548	768.526.723.505
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	27.570.485.524	36.103.456.196
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	126.307.009.988	62.138.069.664
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	562.622.321.158	273.091.558.067
IV. Hàng tồn kho	413.810.993.775	378.823.950.050
V. Tài sản ngắn hạn khác	35.603.209.103	18.369.689.528
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	825.710.579.611	573.186.091.148
I. Các khoản phải thu dài hạn	32.510.222.542	9.228.371.547
II. Tài sản cố định	699.346.427.520	243.108.832.803



TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN	NGÀY 30/09/2025	NGÀY 01/10/2024
III. Tài sản dở dang dài hạn	11.236.651.335	236.850.678.674
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	31.325.500.000	30.825.500.000
V. Tài sản dài hạn khác	51.291.778.214	53.172.708.124
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.991.624.599.159	1.341.712.814.653
C. NỢ PHẢI TRẢ	1.365.956.716.773	979.132.174.396
I. Nợ ngắn hạn	1.156.442.136.450	760.871.814.820
II. Nợ dài hạn	209.514.580.323	218.260.359.576
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	625.667.882.386	362.580.640.257
I. Vốn chủ sở hữu	625.667.882.386	362.580.640.257
1. Vốn góp của chủ sở hữu	434.727.160.000	234.851.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	106.116.913.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	5.011.297.455	5.011.297.455
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	35.666.881.619	32.747.863.205
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.991.624.599.159	1.341.712.814.653
KẾT QUẢ KINH DOANH	Từ 01/10/2024 đến 30/09/2025	Từ 01/10/2023 đến 30/09/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.407.221.133.960	1.537.925.580.058
2. Doanh thu hoạt động tài chính	35.923.460.683	23.728.364.832
3. Thu nhập khác	2.015.372.861	1.085.771.927
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.668.022.020	39.669.109.007
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.720.900.420	31.373.244.210
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	728	1.295

4. Đánh giá hiệu quả hoạt động

4.1 Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2025 (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%) TH năm 2025 / KH năm 2025	Tỷ lệ (%) TH năm 2025 / TH năm 2024
Doanh thu	1.750.000	2.407.221	1.537.926	138%	157%
Lợi nhuận trước thuế	52.000	48.668	39.669	94%	123%



4.2 Nhận xét đánh giá một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 30/09/2025

Các chỉ tiêu phân tích tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/10/2024
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán tổng quát	Lần	1,46	1,37
Hệ số thanh toán hiện thời	Lần	1,01	1,01
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,65	0,51
2. Tỷ suất sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH		5,70%	9,03%
3. Cơ cấu tài sản - nguồn vốn			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	58,54%	57,28%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	41,46%	42,72%
Nợ phải trả ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	%	58,07%	56,71%
Nợ dài hạn + Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	41,93%	43,29%

Đánh giá chung

- Hệ số thanh toán nợ hiện thời tại ngày 30/09/2025 là 1.01 lần >1 Công ty đảm bảo khả năng thanh toán. Đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.
- Số dư nợ ngắn hạn tại ngày 30/09/2025 là 1.156 tỷ đồng, trong khi số dư tài sản ngắn hạn là 1.166 tỷ đồng, cho thấy Công ty vẫn duy trì được khả năng thanh toán các nghĩa vụ ngắn hạn khi đến hạn và đảm bảo được hoạt động kinh doanh liên tục.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2025 đạt 5,70%, thấp hơn mức 9,03% của năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2025 Công ty thực hiện tăng vốn chủ sở hữu, làm mẫu số ROE tăng đáng kể trong khi lợi nhuận sau thuế chưa tăng tương ứng.
- Tại ngày 30/09/2025 hệ số tài sản dài hạn/tổng tài sản là 41,46%. Hệ số nguồn vốn thường xuyên là 58,07%, điều này chứng tỏ tài sản dài hạn được tài trợ toàn bộ bằng nguồn vốn thường xuyên.

IV. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2025

- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt (cụ thể là Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt) thực hiện kiểm toán các BCTC hợp nhất năm 2025.
- Công ty đã hoàn thành chia cổ tức năm 2024 trong tháng 06 năm 2025.
- Công ty đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và cập nhật Điều lệ Công ty theo nội dung tương ứng.



V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA CÁC PHÒNG BAN

- Trong năm việc phối hợp giữa Ủy ban Kiểm toán với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận luôn được hỗ trợ, thực hiện một cách chặt chẽ theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
- Ủy ban Kiểm toán không nhận được đơn yêu cầu hoặc khiếu nại của bất kỳ cổ đông nào trong năm năm 2025.
- Ủy ban Kiểm toán luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực của Cấp Lãnh đạo, các Phòng ban trong quá trình làm việc điều này đã tạo điều kiện tốt cho công tác kiểm tra, giám sát của thành viên HĐQT độc lập.

VI. KIẾN NGHỊ

- Kết quả kinh doanh năm tài chính 2025 vừa qua đã thể hiện sự cố gắng, nỗ lực rất lớn của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc để Công ty đạt được tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên để đạt được kết quả kinh doanh tốt hơn là cần phát triển thêm sản phẩm mới, tìm kiếm khách hàng mới mở rộng thị trường kinh doanh.
- Cần sâu sát kiểm soát nguyên liệu đầu vào và định mức tiêu hao nguyên liệu để tiết giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm nhằm chiếm nhiều ưu thế hơn trên thị trường.
- Trên đây là báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập, Ủy ban Kiểm toán Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trình trước ĐHĐCĐ năm 2025.

Xin chân thành cảm ơn./.

TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



TRẦN HUY HOÀNG



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

Số: 01.2026/TTr-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu năm tài chính 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận năm tài chính 2025:

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Số tiền
A	Nguồn	Đồng	35.666.881.619
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025.	Đồng	32.116.382.705
2	Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm 2025.	Đồng	3.550.498.914
B	Phân phối	Đồng	33.567.270.981
3	Thù lao, thưởng HĐQT, Thư ký HĐQT (3% lợi nhuận sau thuế năm 2025).	Đồng	963.491.481
4	Cổ tức năm 2025 chi bằng tiền mặt 7,5%/cổ phiếu (tương đương 750 đồng/cổ phiếu)	Đồng	32.603.779.500
C	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2026	Đồng	2.099.610.638

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



VU QUANG CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02.2026/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu năm tài chính 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ vào danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ tài chính (www.mof.gov.vn);
- Theo đề nghị của Ủy ban kiểm toán và được sự thống nhất của HĐQT.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

Giao Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu: Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam; Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C; Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam; Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam; Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

Trong trường hợp không đàm phán được với 05 Công ty trên, Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



VŨ QUANG CHINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03.2026/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v thù lao Hội đồng quản trị và Thư ký HĐQT năm tài chính 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu năm tài chính 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thư ký Hội đồng quản trị năm tài chính 2026 là 3% lợi nhuận sau thuế.
- Thuế thu nhập cá nhân phát sinh cá nhân tự đóng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



VŨ QUANG CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04.2026/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nông nghiệp
Hùng Hậu năm tài chính 2026**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành được sửa đổi
1.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc trừ sâu; Bán buôn hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: thuốc trừ cỏ, thuốc chống nảy mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây và các hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở và doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động.	4679



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



2. Sửa đổi, bổ sung nội dung điều lệ Công ty tương ứng với nội dung sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh tại mục 1 nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



VŨ QUANG CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05.2026/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu năm tài chính 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (sau đây gọi là Luật Chứng khoán);
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

1. Thông qua việc tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu từ 05 thành viên lên thành 07 thành viên.
2. Sửa đổi, bổ sung nội dung điều lệ Công ty tương ứng với nội dung tăng số lượng thành viên HĐQT tại mục 1 nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

VŨ QUANG CHÍNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06.2026/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v thực hiện bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nông nghiệp
Hùng Hậu năm tài chính 2026**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu ngày 08/12/2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giới thiệu nhân sự để thực hiện bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị như sau:

1. Thông qua việc giới thiệu để bầu Ông/Bà giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2025 – 2030:
 - Sinh ngày:
 - Căn cước công dân số:
 - Trình độ chuyên môn:
 - Lý do:
2. Thông qua việc giới thiệu để bầu Ông/Bà ... giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2025 – 2030:
 - Sinh ngày:
 - Căn cước công dân số:
 - Trình độ chuyên môn:
 - Lý do:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

VŨ QUANG CHÍNH

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07.2026/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nông nghiệp
Hùng Hậu năm tài chính 2026**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để làm rõ và phù hợp với tình hình thực tế: nội dung chi tiết các điểm sửa đổi, bổ sung được trình bày tại phụ lục đính kèm theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



VŨ QUANG CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

(Đính kèm tờ trình số .2026/TT-ĐHĐCĐ ngày 08/12/2025)



STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG												
1.	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là: <table><tr><td>Mã ngành, nghề kinh doanh</td><td>Tên ngành, nghề kinh doanh</td></tr><tr><td>...</td><td>...</td></tr><tr><td>4669</td><td>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc trừ sâu; Bán buôn hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: thuốc trừ cỏ, thuốc chống này mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây và các hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở và doanh nghiệp chi được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện</td></tr></table>	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	...	...	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc trừ sâu; Bán buôn hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: thuốc trừ cỏ, thuốc chống này mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây và các hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở và doanh nghiệp chi được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là: <table><tr><td>Mã ngành, nghề kinh doanh</td><td>Tên ngành, nghề kinh doanh</td></tr><tr><td>...</td><td>...</td></tr><tr><td>4679</td><td>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc trừ sâu; Bán buôn hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: thuốc trừ cỏ, thuốc chống này mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây và các hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở và doanh nghiệp chi được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện</td></tr></table>	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	...	...	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc trừ sâu; Bán buôn hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: thuốc trừ cỏ, thuốc chống này mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây và các hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở và doanh nghiệp chi được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện
Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh													
...	...													
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc trừ sâu; Bán buôn hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: thuốc trừ cỏ, thuốc chống này mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây và các hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở và doanh nghiệp chi được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện													
Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh													
...	...													
4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc trừ sâu; Bán buôn hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: thuốc trừ cỏ, thuốc chống này mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây và các hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở và doanh nghiệp chi được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện													

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI		NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	
		theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động.		theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động.
	...	...	...	...
2.	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a. f. ... 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán		Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a. f. ...	



STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a. c. ... 3. ...	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a. c. ... 3. ...
3.	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. ... 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. ... 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:



STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 20% tổng số lượng thành viên. Quyển, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 20% tổng số lượng thành viên. Quyển, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
4.	Điều 27. Quyển hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị ...	Điều 27. Quyển hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị ...



STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ.
5.	Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. 1. 6. ...	Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. 6. ... 7. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của



STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HUNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 128

A member of HungHau



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025



ĐẠI THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật doanh nghiệp năm 2025 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu ngày 29/12/2025;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu ngày 29/12/2025.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026 tại Khách sạn Nikko Sài Gòn – số 253 Nguyễn Văn Cừ, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, với sự tham dự của ... cổ đông sở hữu và đại diện, nắm giữ cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (cổ phần biểu quyết 43.471.706 cổ phiếu, Công ty có 1.010 cổ phiếu quỹ không có quyền biểu quyết).

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2025 và kế hoạch năm tài chính 2026.

(Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội)

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

(Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội)

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán.

(Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội)



Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về hoạt động năm tài chính 2025 và định hướng kế hoạch năm tài chính 2026.

- Hoạt động kinh doanh năm tài chính 2025 (từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/09/2025):

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2025
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.407.221
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	48.668
3	Cổ tức	%/Năm	6,5%

- Kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2026 (từ ngày 01/10/2025 đến ngày 30/09/2026):

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2026
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.950.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	60.000
3	Cổ tức dự kiến	%/Năm	Từ 6 – 10%

(Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội)

Điều 5. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm tài chính 2025

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Số tiền
A	Nguồn	Đồng	35.666.881.619
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025.	Đồng	32.116.382.705
2	Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm 2025.	Đồng	3.550.498.914
B	Phân phối	Đồng	33.567.270.981
3	Thù lao, thưởng HĐQT, Thư ký HĐQT (3% lợi nhuận sau thuế năm 2025).	Đồng	963.491.481
4	Cổ tức năm 2025 chi bằng tiền mặt 7,5%/số cổ phiếu (tương đương 750 đồng/cổ phiếu).	Đồng	32.603.779.500



C	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2026	Đồng	2.099.610.638
---	--	------	---------------

(Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội)

Điều 6. Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2026

- Giao Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu: Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam; Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C; Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam; Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam; Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.
- Trong trường hợp không đàm phán được với 05 Công ty trên, Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

(Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội)

Điều 7. Thông qua Tờ trình Thù lao HĐQT, thu ký HĐQT năm tài chính 2026

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu ký Hội đồng quản trị năm tài chính 2026 là 3% lợi nhuận sau thuế.
- Thuế thu nhập cá nhân phát sinh cá nhân tự đóng.

(Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội)

Điều 8. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh

(Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội)

Điều 9. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty

(Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội)

Điều 10. Thông qua tờ trình về việc tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 -2030.

(Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội)

0473
NG T
PHÁ
NGH
NG H
-TP.HC



Điều 11. Thông qua tờ trình thực hiện bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030

(Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội)

Điều 12. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030 như sau:

- Kết quả bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số cổ phần tham dự Đại hội
1	...	...	...
2	...	...	...
...	...	...	...

- Như vậy Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030 như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	...	...
2	...	...
...	...	...

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông nhất trí giao cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 29/12/2025.

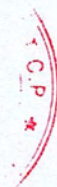
**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

VŨ QUANG CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280

89-C
Y
V
HIỆP
ẬU
CHÍ MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 30 tháng 09 năm 2025**





CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09.2025/CV-HHA

TP.HCM, ngày 05 tháng 12 năm 2025

V/v: Giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế

Công ty mẹ năm 2025 so với năm 2024

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (mã chứng khoán: SJ1) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 33.445.038.313 đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2024 (tương đương 1.202.239.992 đồng). Nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Doanh thu thuần năm 2025 đạt 2.379.714.954.955 đồng, tăng 55% so với cùng kỳ năm 2024 (tương đương tăng 841.789.374.897 đồng), lợi nhuận gộp đạt 140.643.112.764 đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2024 (tương đương tăng 19.951.994.112 đồng).
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 16.950.856.385 đồng, tăng 69% so với cùng kỳ năm 2024.
- Chi phí lãi vay tăng 8.658.421.933 đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2024.
- Chi phí bán hàng tăng 11.952.649.487 đồng, tăng 52% so với cùng kỳ năm 2024.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 17.297.952.386 đồng, tăng 66% so với cùng kỳ năm 2024.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 5.873.244.462 đồng, tăng 69% so với cùng kỳ năm 2024.

Trên đây là phần giải trình biến động về Lợi nhuận sau thuế giữa hai kỳ báo cáo của Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu.

Trân trọng kính chào! ^{xe}

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VP

CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG TÂN

TP. HCM, ngày 05 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty xin giải trình Báo cáo tài chính năm tài chính 2025 so với Báo cáo kiểm toán năm tài chính 2025 như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Báo cáo lũy kế năm 2025	Báo cáo kiểm toán năm 2025	Chênh lệch	Lý do
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	126.146.389.190	126.307.009.988	160.620.798	Bổ sung lãi tiền gửi có kỳ hạn.
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	267.078.199.453	269.431.745.453	2.353.546.000	Điều chỉnh tăng phải thu khách hàng do điều chỉnh khoản doanh thu chưa thực hiện.
Trả trước cho người bán ngắn hạn	17.137.202.913	9.137.202.913	(8.000.000.000)	Phân loại khoản trả trước cho người bán ngắn hạn sang ký quỹ dài hạn.
Phải thu ngắn hạn khác	48.377.254.980	48.541.971.863	164.716.883	Trình bày lại khoản phải thu ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính.
Hàng tồn kho	407.315.958.048	413.249.080.547	5.933.122.499	Điều chỉnh tăng khoản hàng đi đường do điều chỉnh giá vốn của khoản doanh thu chưa thực hiện.

Chi tiêu	Báo cáo lũy kế năm 2025	Báo cáo kiểm toán năm 2025	Chênh lệch	Lý do
Tài sản dài hạn				
Trả trước cho người bán dài hạn	55.000.000.000	-	(55.000.000.000)	Phân loại khoản trả trước cho người bán dài hạn sang ký quỹ dài hạn.
Phải thu dài hạn khác	19.253.956.141	82.228.981.141	62.975.025.000	Phân loại khoản trả trước cho người bán ngắn hạn và dài hạn sang ký quỹ dài hạn.
Giá trị hao mòn lũy kế	144.942.743.791	144.413.084.285	(529.659.506)	Phân loại lại khoản hao mòn tài sản cố định.
Giá trị hao mòn lũy kế	5.294.931.149	5.823.938.293	529.007.144	Phân loại lại khoản hao mòn tài sản cố định.
Tổng cộng tài sản	1.737.668.180.190	1.746.255.863.732	8.587.683.542	
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31.745.862.669	31.928.993.362	183.130.693	Tăng thuế TNDN do ảnh hưởng từ các bút toán điều chỉnh.
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	8.819.729.027	8.819.729.027	Phân loại lại doanh thu chưa thực hiện đối với lô hàng đang đi đường.
Phải trả ngắn hạn khác	4.220.068.684	4.509.399.698	289.331.014	Trình bày lại khoản phải thu ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính.
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	934.883.136.346	943.986.919.782	9.103.783.436	Phân loại lại khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	43.084.050.733	33.740.089.211	(9.343.961.522)	Phân loại lại khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
Nguồn vốn chủ sở hữu				
LNST chưa phân phối kỳ này	33.909.367.419	33.445.038.313	(464.329.106)	Điều chỉnh giảm LNST chưa phân phối do ảnh hưởng từ các bút toán điều chỉnh
Tổng cộng nguồn vốn	1.737.668.180.190	1.746.255.863.732	8.587.683.542	

Chi tiêu	Báo cáo lũy kế năm 2025	Báo cáo kiểm toán năm 2025	Chênh lệch	Lý do
----------	----------------------------	-------------------------------	------------	-------

KẾT QUẢ KINH DOANH

Chi tiêu	Báo cáo lũy kế năm 2025	Báo cáo kiểm toán, năm 2025	Chênh lệch	Lý do
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.387.395.173.110	2.380.928.990.083	(6.466.183.027)	Phân loại lại doanh thu đối với lô hàng đang đi đường.
Giá vốn hàng bán	2.245.004.964.690	2.239.071.842.191	(5.933.122.499)	Phân loại lại giá vốn hàng bán đối với lô hàng đang đi đường.
Doanh thu hoạt động tài chính	41.389.167.306	41.647.846.869	258.679.563	Điều chỉnh bổ sung doanh thu tài chính.
Chi phí tài chính	55.620.394.643	55.627.864.453	7.469.810	Điều chỉnh bổ sung chi phí lãi vay.
Chi phí quản lý doanh nghiệp	43.541.924.907	43.541.272.545	(652.362)	Điều chỉnh chi phí khấu hao trong năm.
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.190.774.491	14.373.905.184	183.130.693	Điều chỉnh thuế TNDN hiện hành do thay đổi KQKD.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



NGUYỄN HOÀNG TÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025.

1. Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Vũ Quang Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024
Bà Nguyễn Yến	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024
Ông Nguyễn Hoàng Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024
Ông Trần Huy Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024
Bà Phạm Thị Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024
Bà Lê Thị Thùy Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Trần Huy Hoàng	Chủ tịch	Bổ nhiệm 16/01/2025
Bà Lê Thị Thùy Phương	Chủ tịch	Miễn nhiệm 16/01/2025
Bà Nguyễn Yến	Thành viên	Bổ nhiệm 16/01/2025
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm 16/01/2025

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/10/2024
Ông Vũ Quang Chính	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/10/2024
Bà Nguyễn Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Miễn nhiệm ngày 09/05/2025
Bà Lê Thị Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/12/2024
Bà Nguyễn Thị Bích Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024
Bà Võ Thị Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/05/2025
Ông Nguyễn Văn Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/09/2025
		Bổ nhiệm ngày 22/11/2024
		Miễn nhiệm ngày 29/09/2025
Bà Phạm Thị Bích Như	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/12/2024
Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/11/2024
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024
Bà Nguyễn Viết Thúy An	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024
Ông Lê Phạm Công Hoang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024
		Bổ nhiệm ngày 29/09/2025

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Bà Lâm Bích Ngọc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 09/05/2025
Bà Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 09/05/2025

Đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Hoàng Tân	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quang Chính	Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở hoạt động đặt tại Số Số 1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3. Các hoạt động chính

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm.

4. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 38.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty.

6. Đơn vị kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Công ty.

7. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này có được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

9. Các cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HOÀNG TÂN



Số: 2508/2025/BCKT/SVCN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG,
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 04 tháng 12 năm 2025 từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã ký báo cáo kiểm toán số: 788/BCKT-TC/2024/AASCS ngày 04 tháng 12 năm 2024 và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2025

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

Giám đốc



LÊ NHẬT LINH

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 3234-2021-107-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ LAN ANH

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 4291-2023-107-1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.114.589.435.411	740.022.609.613	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	27.440.562.231	36.048.391.177	
1. Tiền	111		27.440.562.231	36.048.391.177	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		126.307.009.988	62.138.069.664	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	126.307.009.988	62.138.069.664	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		526.244.119.773	247.905.362.331	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	269.431.745.453	115.108.538.686	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	9.137.202.913	10.843.244.332	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	199.531.737.592	109.317.832.584	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	48.541.971.863	12.635.746.729	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(398.538.048)	-	
IV. Hàng tồn kho	140		413.249.080.547	378.823.950.050	
1. Hàng tồn kho	141	V.08	413.249.080.547	378.823.950.050	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.348.662.872	15.106.836.391	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	2.878.068.778	2.533.537.491	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.470.594.094	12.573.298.900	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		631.666.428.321	438.004.280.978	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		216.734.419.081	36.228.371.547	
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.10	134.505.437.940	27.000.000.000	
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.11	82.228.981.141	9.228.371.547	
II. Tài sản cố định	220		276.619.050.757	243.108.832.803	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	137.548.405.380	141.041.346.102	
Nguyên giá	222		281.961.489.665	273.474.181.348	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(144.413.084.285)	(132.432.835.246)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	49.763.298.226	11.561.717.730	
Nguyên giá	225		55.587.236.519	14.417.317.315	
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.823.938.293)	(2.855.599.585)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	89.307.347.151	90.505.768.971	
Nguyên giá	228		102.281.820.014	102.281.820.014	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.974.472.863)	(11.776.051.043)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.297.016.385	6.749.503.009	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.15	7.297.016.385	6.749.503.009	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		84.109.292.066	100.849.526.129	
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	53.630.000.000	71.445.000.000	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.17	31.325.500.000	30.825.500.000	
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.18	(846.207.934)	(1.420.973.871)	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		46.906.650.032	51.068.047.490	
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	46.906.650.032	51.068.047.490	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.746.255.863.732	1.178.026.890.591	

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.162.770.498.033	858.352.904.914
I. Nợ ngắn hạn	310		1.106.887.749.333	733.535.102.885
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	103.521.517.832	53.725.996.223
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	6.707.994.698	2.647.697.267
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.22	31.928.993.362	16.866.878.492
4. Phải trả người lao động	314	V.23	7.334.527.936	6.235.145.311
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.24	78.628.690	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.25	8.819.729.027	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.26	4.509.399.698	3.498.343.720
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.27	943.986.919.782	650.561.003.564
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.308	38.308
II. Nợ dài hạn	330		55.882.748.700	124.817.802.029
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.28	22.142.659.489	49.343.009.222
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	58.739.857.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.29	33.740.089.211	16.734.935.807
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		583.485.365.699	319.673.985.677
I. Vốn chủ sở hữu	410		583.485.365.699	319.673.985.677
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.30	434.727.160.000	234.851.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		434.727.160.000	234.851.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	106.116.913.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	415	V.30	(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.30	5.011.297.455	5.011.297.455
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.30	37.640.094.284	33.392.420.262
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.195.055.971	1.149.621.941
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		33.445.038.313	32.242.798.321
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.746.255.863.732	1.178.026.890.591

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Kế toán trưởng



Lâm Bích Ngọc

Tổng Giám đốc




Nguyễn Hoàng Tân

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.380.928.990.083	1.538.505.868.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	1.214.035.128	580.288.833
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	2.379.714.954.955	1.537.925.580.058
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.239.071.842.191	1.417.234.461.406
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		140.643.112.764	120.691.118.652
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	41.647.846.869	24.696.990.484
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	55.627.864.453	53.162.905.562
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.679.847.638	46.021.425.705
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	34.966.762.147	23.014.112.660
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	43.541.272.545	26.243.320.159
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.155.060.488	42.967.770.755
11. Thu nhập khác	31	VI.07	465.418.281	654.586.104
12. Chi phí khác	32	VI.08	801.535.272	2.878.897.816
13. Lợi nhuận khác	40		(336.116.991)	(2.224.311.712)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.818.943.497	40.743.459.043
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	14.373.905.184	8.500.660.722
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.445.038.313	32.242.798.321

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Lâm Bích Ngọc

Nguyễn Hoàng Tân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

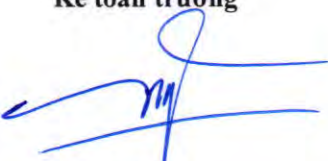
Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47.818.943.497	40.743.459.043
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		16.689.035.460	15.254.026.754
- Các khoản dự phòng	03	VI.04	(176.227.889)	(142.593.295)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.176.263.482)	(1.233.757.667)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(36.531.069.316)	(18.105.716.397)
- Chi phí lãi vay	06	VI.04	54.679.847.638	46.021.425.705
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		81.304.265.908	82.536.844.143
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(233.414.535.300)	46.909.190.380
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(34.425.130.497)	(24.905.831.729)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(20.205.406.806)	62.324.338.293
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.816.866.171	(7.515.831.763)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(54.679.847.638)	(46.021.425.705)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(11.934.472.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20		(257.603.788.162)	101.392.811.374
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(11.045.130.153)	(7.729.688.208)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22		1.513.541.552	1.030.169.555
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(531.154.181.167)	(144.046.950.022)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		270.104.217.421	50.968.721.796
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000)	(6.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		17.815.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		6.088.494.162	15.559.823.401
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT	30		(247.178.058.185)	(90.217.923.478)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		259.563.706.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	V.27;29	2.015.922.970.629	1.385.093.464.270
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.27;29	(1.740.971.649.756)	(1.359.012.384.771)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.27;29	(10.674.431.601)	(3.780.957.749)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(28.209.441.900)	(11.707.331.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC	40		495.631.153.372	10.592.790.550
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.150.692.975)	21.767.678.446
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	36.048.391.177	14.253.361.170
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi NT	61		542.864.029	27.351.561
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	27.440.562.231	36.048.391.177

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Lâm Bích Ngọc

Nguyễn Hoàng Tân

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy sản số 1. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302047389 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh - Phòng đăng ký kinh doanh.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã ba mươi hai (32) lần được Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh - Phòng đăng ký kinh doanh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Thay đổi lần thứ ba mươi hai (32) gần đây nhất (ngày 19 tháng 08 năm 2025) về việc thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	434.727.160.000 VND
Mệnh giá cổ phần	10.000 VND
Tổng số cổ phần	43.472.716 cổ phần

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ	: Số 1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: (84 - 28) 3974 1135
Fax	: (84 - 28) 3974 1280
Mã số thuế	: 0 3 0 2 0 4 7 3 8 9

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm;
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Người lao động

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có khoảng 612 người lao động đang làm việc (tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 khoảng 439 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Địa chỉ	Ngành nghề
Công ty TNHH Ngr nghiệp Hùng Hậu	65,00%	100,00%	Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, Xã Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản,...
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	54,06%	54,06%	Lô CVI-2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến rau quả, nông sản xuất khẩu; Chế biến bảo quản thủy sản,...

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/10 và kết thúc vào ngày 30/09 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính, và được phân loại:

- Có thời hạn thu hồi dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình: Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời hạn thuê đất (Từ 32 - 44 năm).

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao từ 05 đến 08 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại kỳ phiếu, tín phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai; các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trên cơ sở dự thu. Thu nhập lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản đầu tư khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

13. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ dài hạn.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần;

- Vốn khác: Hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào (đối với tài sản) và tỷ giá bán ra (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ khi đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty xác định thu nhập đối với hoạt động chế biến thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 15% theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác áp dụng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18. Báo cáo theo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có thể chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Các bên liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, nhân viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.477.138.082	1.675.047.512
Tiền gửi ngân hàng	23.963.424.149	34.373.343.665
Cộng	27.440.562.231	36.048.391.177

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	32.000.000.000	32.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - CN TP. HCM	25.340.000.000	25.340.000.000	20.170.000.000	20.170.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Điền	28.967.009.988	28.967.009.988	27.968.069.664	27.968.069.664
Cộng	126.307.009.988	126.307.009.988	62.138.069.664	62.138.069.664

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	168.665.635.377	59.417.336.405
Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Tháp Mười	-	16.422.022.772
Công ty TNHH Nông nghiệp Tây Nguyên	15.682.462.008	18.081.014.738
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	27.916.514.000	-
Các khách hàng khác	125.066.659.369	24.914.298.895
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	100.766.110.076	55.691.202.281
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	46.476.680.150	26.328.435.489
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	13.032.618.281	13.031.413.656
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	6.777.387.058	5.884.407.080
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	1.671.600.000	1.520.400.000
Trường Đại học Văn Hiến	32.772.675.607	8.771.277.828
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	35.148.980	-
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	-	155.268.228
Cộng	269.431.745.453	115.108.538.686

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	9.028.646.503	10.843.244.332
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	-	4.406.155.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại H&T	2.397.251.168	-
Các nhà cung cấp khác	6.631.395.335	6.437.089.332
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	108.556.410	-
Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	33.124.014	-
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	75.432.396	-
Cộng	9.137.202.913	10.843.244.332

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay là bên thứ ba	10.887.614.072	17.462.894.644
Cá nhân ngoài Công ty	10.887.614.072	17.462.894.644
Phải thu về cho vay là bên liên quan	188.644.123.520	91.854.937.940
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	-	49.699.937.940
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	43.111.000.000	42.155.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	145.533.123.520	-
Cộng	199.531.737.592	109.317.832.584

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác là bên thứ ba	20.737.532.656	8.473.244.917
Tạm ứng	324.305.185	1.392.748.873
Ký quỹ, ký cược	5.142.000.000	163.005.960
Lãi tiền gửi dự thu	2.446.698.530	1.291.623.763
Lãi cho vay cá nhân	1.778.498.901	3.000.857.680
Phải thu khoản ứng đầu tư	6.000.000.000	-
Các đối tượng khác	5.046.030.040	2.625.008.641
Phải thu khác là các bên liên quan	27.804.439.207	4.162.501.812
Bà Lê Thị Hằng	8.800	-
Quỹ trái tim Hùng Hậu	545.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	50.000.000	969.026.212
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	9.985.774.011	2.693.475.600
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	17.223.656.396	-
Cộng	48.541.971.863	12.635.746.729

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu 5 Sao Bình Phước	797.076.096	(398.538.048)	-	-
Cộng	797.076.096	(398.538.048)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	10.909.623.933	1.844.758.357
Công cụ, dụng cụ	3.126.942.218	2.351.064.159
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.894.157.803	1.355.880.650
Thành phẩm	389.306.197.097	371.406.444.040
Hàng hóa	335.010.111	12.902.039
Hàng gửi bán	7.677.149.385	1.852.900.805
Cộng	413.249.080.547	378.823.950.050

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất	1.315.266.746	5.179.450.680	(4.978.751.720)	1.515.965.706
Chi phí bảo hiểm	312.871.748	631.205.753	(545.077.083)	399.000.418
Công cụ, dụng cụ	245.568.450	1.483.826.068	(1.100.630.315)	628.764.203
Chi phí khác	659.830.547	1.682.195.748	(2.007.687.844)	334.338.451
Cộng	2.533.537.491	8.976.678.249	(8.632.146.962)	2.878.068.778

10. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu về cho vay là bên thứ ba</i>	-	-
<i>Phải thu về cho vay là các bên liên quan</i>	<i>134.505.437.940</i>	<i>27.000.000.000</i>
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	134.505.437.940	27.000.000.000
Cộng	134.505.437.940	27.000.000.000

11. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu khác là bên thứ ba</i>	<i>12.534.797.134</i>	<i>9.228.371.547</i>
Ký quỹ thuê tài chính	8.645.400.000	8.468.826.000
Ký quỹ dài hạn khác	64.835.000	64.835.000
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	3.799.537.134	669.685.547
Các đối tượng khác	25.025.000	25.025.000
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<i>69.694.184.007</i>	-
Công ty TNHH Happyfood Việt Nam	69.694.184.007	-
Cộng	82.228.981.141	9.228.371.547

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	167.014.886.890	96.878.713.525	6.357.785.955	3.222.794.978	273.474.181.348
Tăng trong năm	2.506.199.721	7.282.080.007	590.000.000	119.337.049	10.497.616.777
Mua sắm mới	-	7.282.080.007	590.000.000	119.337.049	7.991.417.056
Xây dựng cơ bản	2.506.199.721	-	-	-	2.506.199.721
Giảm trong năm	-	(2.010.308.460)	-	-	(2.010.308.460)
Thanh lý	-	(2.010.308.460)	-	-	(2.010.308.460)
Số cuối năm	169.521.086.611	102.150.485.072	6.947.785.955	3.342.132.027	281.961.489.665

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	49.230.923.971	75.893.818.987	5.132.578.111	2.175.514.177	132.432.835.246
Tăng trong năm	5.637.022.945	6.393.838.583	319.096.958	172.316.446	12.522.274.932
Khấu hao trong năm	5.637.022.945	6.393.838.583	319.096.958	172.316.446	12.522.274.932
Giảm trong năm	-	(542.025.893)	-	-	(542.025.893)
Thanh lý	-	(542.025.893)	-	-	(542.025.893)
Số cuối năm	54.867.946.916	81.745.631.677	5.451.675.069	2.347.830.623	144.413.084.285
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	117.783.962.919	20.984.894.538	1.225.207.844	1.047.280.801	141.041.346.102
Số cuối năm	114.653.139.695	20.404.853.395	1.496.110.886	994.301.404	137.548.405.380

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng và Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng. Cụ thể như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay	85.876.197.952	89.932.827.440
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	41.353.352.366	40.404.323.104

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	12.928.962.428	1.488.354.887	14.417.317.315
Tăng trong năm	40.208.283.370	961.635.834	41.169.919.204
Thuê tài chính trong năm	40.208.283.370	961.635.834	41.169.919.204
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	53.137.245.798	2.449.990.721	55.587.236.519
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.716.066.321	139.533.264	2.855.599.585
Tăng trong năm	2.664.998.049	303.340.659	2.968.338.708
Khấu hao trong năm	2.664.998.049	303.340.659	2.968.338.708
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	5.381.064.370	442.873.923	5.823.938.293
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.212.896.107	1.348.821.623	11.561.717.730
Số cuối năm	47.756.181.428	2.007.116.798	49.763.298.226

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	11.421.207.112	354.843.931	11.776.051.043
Tăng trong năm	1.184.671.824	13.749.996	1.198.421.820
Khấu hao trong năm	1.184.671.824	13.749.996	1.198.421.820
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	12.605.878.936	368.593.927	12.974.472.863
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	90.467.512.902	38.256.069	90.505.768.971
Số cuối năm	89.282.841.078	24.506.073	89.307.347.151

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã được thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng và Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng. Cụ thể như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay	87.413.884.178	88.598.556.002
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	283.100.000	283.100.000

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Dự án rừng Đắc Nông	4.298.001.476	3.842.138.100
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.120.980.818	1.029.330.818
Cộng	7.297.016.385	6.749.503.009

16. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Ngr nghiệp Hùng Hậu (1)	65,00%	1.730.000.000	883.792.066	65,00%	19.545.000.000	18.769.879.101
Công ty TNHH Happyfood Vietnam (2)	54,06%	51.900.000.000	51.965.586.244	54,06%	51.900.000.000	51.254.147.028
Cộng		53.630.000.000	52.849.378.310		71.445.000.000	70.024.026.129

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- (1) Khoản đầu tư góp vốn (65%) vào Công ty TNHH Nưg nghiệp Hùng Hậu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 1402052916 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ bảy (07) gần nhất ngày 24 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 65.000.000.000 VND; trong đó, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cam kết góp là 42.250.000.000 VND. Trong năm Công ty đã thu hồi lại một phần vốn góp đầu tư với số tiền là 17.815.000.000 VND. Theo báo cáo tài chính của Công ty TNHH Nưg nghiệp Hùng Hậu, Vốn góp thực tế đến thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 30/09/2025 là 1.730.000.000 VND, do chỉ có Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu thực hiện góp vốn nên tỷ lệ lợi ích Công ty được hưởng là 100%.
- (2) Khoản đầu tư góp vốn (54,06%) vào Công ty TNHH Happyfood Vietnam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 1400457610 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp và đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm (15) ngày 25 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp - Phòng đăng ký kinh doanh cấp. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 96.000.000.000 VND; trong đó, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cam kết góp là 51.900.000.000 VND. Theo báo cáo tài chính của Công ty TNHH Happyfood Vietnam, Vốn góp thực tế đến thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 30/09/2025 là 96.000.000.000 VND. Trong đó, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã góp 51.900.000.000 VND (chiếm 54,06% vốn góp thực tế) nên tỷ lệ lợi ích Công ty được hưởng là 54,06%.

17. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)		159.520.000	398.800.000		159.520.000	334.992.000
Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP) (*)		65.980.000	65.980.000		65.980.000	65.980.000
Công ty CP Thực phẩm Hùng Hậu (*)	9%	30.600.000.000	30.600.000.000	17%	30.600.000.000	30.600.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Hạt Việt Nam (*)	3%	500.000.000	500.000.000		-	-
Cộng		31.325.500.000	31.564.780.000		30.825.500.000	31.000.972.000

(*) Tại ngày đầu năm và cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này nên giá trị hợp lý được trình bày theo giá gốc.

18. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Nưg nghiệp Hùng Hậu	1.730.000.000	(846.207.934)	19.545.000.000	(775.120.899)
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	-	-	51.900.000.000	(645.852.972)
Cộng	1.730.000.000	(846.207.934)	71.445.000.000	(1.420.973.871)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển trong năm	Số cuối năm
Chi phí tiền thuê đất	37.612.126.442	-	(1.446.971.400)	36.165.155.042
Công cụ, dụng cụ	2.043.227.633	1.786.844.086	(1.522.619.010)	2.307.452.709
Chi phí sửa chữa và khác	11.412.693.415	2.372.898.444	(5.351.549.578)	8.434.042.281
Cộng	51.068.047.490	4.159.742.530	(8.321.139.988)	46.906.650.032

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán là bên thứ ba</i>	<i>100.976.941.791</i>	<i>37.036.496.571</i>
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	5.281.413.126	2.388.215.504
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim Ngân Phát	10.712.648.835	-
Công ty TNHH Thủy sản Global Việt Nam	19.587.695.228	-
Nhà cung cấp khác	65.395.184.602	34.648.281.067
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>2.544.576.041</i>	<i>16.689.499.652</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	2.308.867.000	16.504.248.170
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	-	185.251.482
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	1.213.550	-
Công ty TNHH Tập đoàn Hạt Việt Nam	234.495.491	-
Cộng	103.521.517.832	53.725.996.223

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước là bên thứ ba</i>	<i>6.707.994.698</i>	<i>2.647.697.267</i>
Powertrade General Trading EZE	3.281.887.998	-
FB Munis Dream Nuts	-	1.220.500.000
Mi Food S.R.L	-	457.591.759
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Toki Food	-	429.300.000
Các khách hàng khác	3.426.106.700	540.305.508
<i>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	6.707.994.698	2.647.697.267

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.703.429.248	(6.695.961.748)	7.467.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.519.359.211	14.373.905.184	-	24.893.264.395
Thuế thu nhập cá nhân	1.664.283.837	3.297.214.115	(3.032.676.368)	1.928.821.584
Thuế tài nguyên	15.548.160	72.055.680	(80.449.280)	7.154.560
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.667.687.284	5.212.666.272	(4.788.068.233)	5.092.285.323
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	16.866.878.492	29.662.270.499	(14.600.155.629)	31.928.993.362

+ Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh IV.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau (Xem thuyết minh VI.09).

+ Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương trong năm còn phải thanh toán cho người lao động.

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi phí phải trả là bên thứ ba</i>	-	-
<i>Chi phí phải trả là các bên liên quan</i>	78.628.690	-
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	42.779.834	-
Công ty TNHH Tập đoàn Hạt Việt Nam	35.848.856	-
Cộng	78.628.690	-

25. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Khoản doanh thu hàng xuất khẩu chưa thực hiện phát sinh trong năm.

26. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả khác là bên thứ ba</i>	4.509.399.698	3.493.343.720
Kinh phí công đoàn	1.549.483.964	1.422.874.354
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.024.084.247	1.278.213.908
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	225.822.215	178.796.400
Các khoản phải trả khác	697.644.272	613.459.058
<i>Phải trả khác là các bên liên quan</i>	12.365.000	5.000.000
Quỹ trái tim Hùng Hậu	-	5.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Tân	8.765.000	-
Ông Vũ Quang Chính	3.600.000	-
Cộng	4.509.399.698	3.498.343.720

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

27. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn (a)</i>	923.000.246.389	634.363.910.140
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	95.922.431.348	22.981.213.615
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	356.488.004.890	245.839.300.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	15.358.390.815
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	94.765.125.643	93.201.627.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	249.711.639.616	221.571.378.710
Ngân hàng Hua Nan Comercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. HCM	46.133.935.055	35.412.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	79.979.109.837	-
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (b)</i>	20.986.673.393	16.197.093.424
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	4.776.100.000	4.996.400.004
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	5.900.076.000	7.766.366.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	9.060.497.389	2.184.327.416
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	1.250.000.004	1.250.000.004
Cộng	943.986.919.782	650.561.003.564

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Vay ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng theo các Hợp đồng cụ thể như sau:

Bên cho vay/ Số, ngày hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)				
UOB/HCMC/CMB-3072 ngày 28/11/2024 - tự động gia hạn sau 1 năm	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	95.922.431.348	Tiền gửi có kỳ hạn, Khoản phải thu, Tài sản cá nhân
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín				
201918906827/L1 ngày 03/07/2025	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	356.488.004.890	Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu công trình trên đất, NCVKT, PTVT của Công ty, Quyền đòi nợ từ các thương vụ xuất khẩu do Sacombank tài trợ, Hàng tồn kho
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam				
1606-LAV-202500276 ngày 14/08/2025	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	94.765.125.643	Quyền sử dụng đất, NCVKT, PTVT của Công ty, Hàng tồn kho của Công ty, Bất động sản của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam				
01/2024/1777831/HĐTD ngày 27/08/2024 01.01/2024/1777831/HĐTD/SD BS ngày 12/09/2025	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	249.711.639.616	Quyền thuê đất, NCVKT, MMTB, PTVT của Công ty
Ngân hàng Hua Nan Comercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. HCM				
HNHCMCFL-S/23/2025 ngày 12/03/2025	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	46.133.935.055	Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Hua Nan, Tài sản cá nhân của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam				
VN124013334/2024/WBVN300 ngày 03/10/2024	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	79.979.109.837	Tiền gửi có kỳ hạn, Tài sản cá nhân
Cộng			923.000.246.389	

Chi tiết khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	22.981.213.615	263.500.024.038	(190.558.806.305)	-	95.922.431.348

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số đầu năm	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	245.839.300.000	736.155.375.532	(625.527.150.000)	20.479.358	356.488.004.890
Ngân hàng TMCP Á Châu	15.358.390.815	22.356.880.000	(38.091.020.815)	375.750.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	93.201.627.000	205.215.792.943	(203.986.419.230)	334.124.930	94.765.125.643
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	221.571.378.710	532.468.630.918	(504.520.265.100)	191.895.088	249.711.639.616
Ngân hàng Hua Nan Comercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. HCM	35.412.000.000	96.247.157.361	(85.525.222.306)	-	46.133.935.055
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	159.979.109.837	(80.000.000.000)	-	79.979.109.837
Cộng	634.363.910.140	2.015.922.970.629	(1.728.208.883.756)	922.249.376	923.000.246.389

(b) Vay và nợ dài hạn đến hạn trả

Khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả của các ngân hàng và Công ty cho thuê tài chính (xem thuyết minh V.29). Chi tiết khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

	Số đầu năm	Vay và nợ đến hạn trả trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	4.996.400.004	4.776.099.996	(4.996.400.000)	4.776.100.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	7.766.366.000	5.900.076.000	(7.766.366.000)	5.900.076.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	2.184.327.416	9.060.497.393	(2.184.327.420)	9.060.497.389
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.250.000.004	1.250.000.004	(1.250.000.004)	1.250.000.004
Cộng	16.197.093.424	20.986.673.393	(16.197.093.424)	20.986.673.393

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

28. Phải trả dài hạn người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán là bên thứ ba	22.142.659.489	31.274.133.236
Công ty TNHH Hùng Cá	3.424.005.500	3.424.005.500
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	15.000.000.000	15.000.000.000
Nhà cung cấp khác	3.718.653.989	12.850.127.736
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	18.068.875.986
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	-	18.068.875.986
Cộng	22.142.659.489	49.343.009.222

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

29. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn (a)	1.679.524.000	12.355.699.996
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	4.776.099.996
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.679.524.000	7.579.600.000
Nợ thuê tài chính (b)	32.060.565.211	4.379.235.811
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	31.123.065.224	2.191.735.820
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	937.499.987	2.187.499.991
Cộng	33.740.089.211	16.734.935.807

Chi tiết khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển đến hạn trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn	12.355.699.996	-	-	(10.676.175.996)	1.679.524.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	4.776.099.996	-	-	(4.776.099.996)	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	7.579.600.000	-	-	(5.900.076.000)	1.679.524.000
Nợ thuê tài chính	4.379.235.811	45.231.930.974	(7.240.104.177)	(10.310.497.397)	32.060.565.211
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	2.191.735.820	45.231.930.974	(7.240.104.177)	(9.060.497.393)	31.123.065.224
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.187.499.991	-	-	(1.250.000.004)	937.499.987
Cộng	16.734.935.807	45.231.930.974	(7.240.104.177)	(20.986.673.393)	33.740.089.211

(a) Khoản vay dài hạn của ngân hàng theo các Hợp đồng cụ thể như sau:

Bên cho vay/ Số, ngày hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm			Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam						
1606-LDS202001537	60 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	76.100.000	-	76.100.000	Quyền sử dụng đất, NCVKT, PTVT của Công ty
1606-LAV201600721 ngày 07/09/2016	120 tháng		4.700.000.000	-	4.700.000.000	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín						
LD1623100128	60 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	4.530.000.000	-	4.530.000.000	Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu công trình trên đất, NCVKT, PTVT của Công ty
LD1728500607	120 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	1.370.076.000	1.679.524.000	3.049.600.000	
Cộng			10.676.176.000	1.679.524.000	12.355.700.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Khoản nợ thuê tài chính chi tiết theo các Hợp đồng cụ thể như sau:

Bên cho thuê/ Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số cuối năm		
		Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam				
2021-00196-000 ngày 26/01/2022	48 tháng	163.480.561	-	163.480.561
2021-00195-000 ngày 26/01/2022	48 tháng	521.358.888	-	521.358.888
2023-00233-000 ngày 02/11/2023	36 tháng	361.872.036	60.311.998	422.184.034
2023-00234-000 ngày 24/10/2023	36 tháng	428.473.392	142.824.432	571.297.824
2024-00002-000 ngày 26/01/2024	36 tháng	32.811.336	13.671.382	46.482.718
2024-00001-000 ngày 05/02/2024	36 tháng	128.263.668	74.820.469	203.084.137
2024-00093-000 ngày 03/06/2024	36 tháng	32.811.336	24.608.494	57.419.830
2024-00092-000 ngày 03/06/2024	36 tháng	112.597.008	93.830.816	206.427.824
2024-00226-001 ngày 10/10/2024	36 tháng	482.689.632	522.913.748	1.005.603.380
2024-00225-001 ngày 30/09/2024	48 tháng	264.072.528	550.151.086	814.223.614
2024-00256-001 ngày 21/11/2024	36 tháng	387.177.336	451.706.884	838.884.220
2024-00173-001 ngày 27/06/2025	72 tháng	6.144.889.668	29.188.225.915	35.333.115.583
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
64/2023/CN.MN-CTTC ngày 12/06/2023	48 tháng	1.250.000.004	937.499.987	2.187.499.991
Cộng		10.310.497.393	32.060.565.211	42.371.062.604

Nợ thuê tài chính đã thanh toán

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	5.451.472.173	719.444.989	4.732.027.184	4.477.349.641	696.391.892	3.780.957.749
Trên 5 năm	8.317.765.004	2.375.360.587	5.942.404.417	-	-	-
Cộng	13.769.237.177	3.094.805.576	10.674.431.601	4.477.349.641	696.391.892	3.780.957.749

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa	Cộng
Số dư đầu năm trước	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	13.213.099.819	299.494.665.234
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	32.242.798.321	32.242.798.321
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(11.742.072.000)	(11.742.072.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(321.405.878)	(321.405.878)
Số dư cuối năm trước	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	33.392.420.262	319.673.985.677

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa	Cộng
Số dư đầu năm nay	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	33.392.420.262	319.673.985.677
Tăng vốn trong năm nay	199.875.620.000	59.688.086.000	-	-	-	259.563.706.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	33.445.038.313	33.445.038.313
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(28.256.608.900)	(28.256.608.900)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(940.755.391)	(940.755.391)
Số dư cuối năm nay	434.727.160.000	106.116.913.960	(10.100.000)	5.011.297.455	37.640.094.284	583.485.365.699

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/12/2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua mức thù lao Hội đồng Quản trị, thư ký là 3% lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức bằng tiền mặt tương đương 6,5%/ trên số cổ phiếu đang lưu hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2024.

Chi tiết tình hình vốn góp của chủ sở hữu như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	240.896.320.000	55,413%	120.448.160.000	51,287%
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	23.474.530.000	5,400%	23.474.530.000	9,995%
Trường Đại học Văn Hiến	37.827.820.000	8,702%	18.913.910.000	8,054%
Công ty TNHH Khởi nghiệp Heritage	25.706.630.000	5,913%	6.122.520.000	2,607%
Vốn góp của các đối tượng khác	106.821.860.000	24,572%	65.892.420.000	28,057%
Cộng	434.727.160.000	100,000%	234.851.540.000	100,000%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.472.716	23.485.154
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.472.716	23.485.154
- Cổ phiếu phổ thông	43.472.716	23.485.154
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.471.706	23.484.144
- Cổ phiếu phổ thông	43.471.706	23.484.144
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành		10.000 VND

Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chia trả cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 28.256.608.900 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán (ngoại tệ các loại)

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	62.112,35	86.587,15
EUR	152,39	862,85
CNY	-	2.775,20
JPY	20.000,00	20.000,00
KRW	1.558.000,00	-
SGD	900,00	900,00
IDR	3.824.000,00	3.824.000,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	2.380.928.990.083	1.538.505.868.891
- Doanh thu bán hàng hóa	631.318.878.358	72.065.875.424
- Doanh thu bán thành phẩm	1.604.657.589.870	1.371.846.820.509
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	144.952.521.855	94.593.172.958
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.214.035.128	580.288.833
- Chiết khấu thương mại	91.206.368	5.057.398
- Hàng bán bị trả lại	1.122.828.760	575.231.435
Doanh thu thuần	2.379.714.954.955	1.537.925.580.058
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	631.318.878.358	72.065.875.424
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.603.443.554.742	1.371.266.531.676
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	144.952.521.855	94.593.172.958

(*) Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.01)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	578.017.214.285	61.961.859.511
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	1.579.957.521.523	1.301.211.327.108
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	81.097.106.383	54.061.274.787
Cộng	2.239.071.842.191	1.417.234.461.406

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.485.810.331	11.743.893.631
Cổ tức được chia	-	6.196.952.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.985.773.056	5.501.967.006
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.176.263.482	1.233.757.667
Doanh thu tài chính khác	-	20.420.180
Cộng	41.647.846.869	24.696.990.484

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	54.679.847.638	46.021.425.705
Dự phòng đầu tư tài chính	(574.765.937)	(54.953.417)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.522.782.752	7.084.630.334
Chi phí tài chính khác	-	111.802.940
Cộng	55.627.864.453	53.162.905.562

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.681.675.394	8.872.679.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.888.881.517	9.897.304.543
Chi phí khác	10.396.205.236	4.244.128.160
Cộng	34.966.762.147	23.014.112.660

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	28.539.352.210	17.435.594.373
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.452.726	10.000.000
Chi phí khấu hao	752.172.193	545.061.477
Thuế, phí và lệ phí	11.845.824	12.368.018
Chi phí dự phòng	398.538.048	(87.639.878)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.113.787.037	3.638.328.901
Chi phí khác	7.704.124.507	4.689.607.268
Cộng	43.541.272.545	26.243.320.159

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	45.258.985	164.870.766
Thu bồi thường, hỗ trợ	286.616.260	18.133.827
Thu nhập khác	133.543.036	471.581.511
Cộng	465.418.281	654.586.104

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp về thuế, lãi chậm nộp bảo hiểm	710.718.813	2.685.183.923
Chi phí khác	90.816.459	193.713.893
Cộng	801.535.272	2.878.897.816

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.818.943.497	40.743.459.043
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.350.263.189	10.060.456.540
- Các khoản điều chỉnh giảm	(14.394.552.055)	(6.196.952.000)
Tổng thu nhập tính thuế	43.774.654.631	44.606.963.583

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
<u>Trong đó:</u>		
- Thu nhập được ưu đãi (15%)	6.266.112.924	8.414.639.891
- Thu nhập không được ưu đãi (20%)	37.508.541.707	36.192.323.692
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	8.441.625.280	8.500.660.722
<u>Trong đó:</u>		
- Thuế TNDN từ thu nhập ưu đãi (15%)	939.916.939	1.262.195.984
- Thuế TNDN từ thu nhập không ưu đãi (20%)	7.501.708.341	7.238.464.738
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	5.932.279.904	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.373.905.184	8.500.660.722
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.515.433.316.824	1.253.962.556.413
Chi phí nhân công	118.273.329.403	88.600.911.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.689.035.460	15.254.026.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.468.610.655	41.100.008.756
Các chi phí khác	36.329.299.998	28.013.670.380
Cộng	1.759.193.592.340	1.426.931.173.426

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

1. Các giao dịch không bằng tiền	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản (XDCB) bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính		
- Tài sản thuê tài chính	41.169.919.204	-
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng		
Trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng do khoản tiền này được dùng đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng, chi tiết như sau:		Số tiền
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam		32.000.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)		40.000.000.000
- Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - CN TP. HCM		25.340.000.000
3. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.015.922.970.629	1.385.093.464.270
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.740.971.649.756	1.359.012.384.771

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc.

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ		Năm nay	Năm trước
Ông Vũ Quang Chính	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	636.959.657	429.169.440
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024	318.573.159	566.381.200
Bà Nguyễn Yến	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	-	208.759.676
Ông Nguyễn Hoàng Tân	Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 25/10/2024	1.213.607.893	-
Bà Nguyễn Thu Trang	Phó Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024		
		Miễn nhiệm ngày 09/05/2025	568.563.378	156.218.588
Bà Lê Thị Hằng	Phó Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024	275.592.843	-
Bà Nguyễn Thị Bích Thuận	Phó Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024	863.401.282	-
Ông Nguyễn Văn Quốc	Phó Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024	542.373.540	-
Bà Võ Thị Minh Trang	Phó Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 09/05/2025		
		Miễn nhiệm ngày 29/09/2025	209.181.818	-
Ông Nguyễn Tú Kỳ	Phó Tổng GD	Miễn nhiệm ngày 01/11/2023	-	62.765.611
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng GD	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024	300.956.963	452.072.127
Ông Lê Phạm Công Hoang	Phó Tổng GD	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024		
		Bổ nhiệm ngày 29/09/2025	8.886.400	658.326.831
Bà Phạm Thị Bích Như	Phó Tổng GD	Miễn nhiệm ngày 31/12/2024	266.875.402	-
Cộng			5.204.972.335	2.533.693.473

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ		Năm nay	Năm trước
Ông Vũ Quang Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	67.500.000	54.000.000
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024	18.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Yến	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	45.900.000	-
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024	15.300.000	61.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Họ tên	Chức vụ		Năm nay	Năm trước
Bà Phạm Thị Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	40.500.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	40.500.000	-
Ông Trần Huy Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	40.500.000	-
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024	13.500.000	54.000.000
Bà Lê Thị Thùy Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024	13.500.000	54.000.000
Cộng			295.200.000	295.200.000

Các giao dịch khác:

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Ông Vũ Quang Chính	Thu khác	-	1.310.607
	Chi khác	3.600.000	1.310.607
Ông Từ Thanh Phụng	Chi phí khác	100.000.000	-
	Thanh toán chi phí	100.000.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Tân	Tạm ứng	300.000.000	-
	Hoàn tạm ứng	300.000.000	-
	Thu khác	999.999.998	-
	Chi khác	999.999.998	-
	Chi phí khác	8.765.000	-
Bà Huỳnh Thanh	Chi phí khác	80.000.000	-
	Thanh toán chi phí	80.000.000	-
Bà Lê Thị Hằng	Thu khác	406.000	-
	Đã khác	397.200	-
Ông Nguyễn Văn Quốc	Tạm ứng	10.000.000	-
	Hoàn tạm ứng	10.000.000	-
Bà Lâm Bích Ngọc	Tạm ứng	105.000.000	-
	Hoàn tạm ứng	105.000.000	-
Ông Lê Phạm Công Hoang	Hoàn tạm ứng	-	70.000.000
	Thu khác	-	33.663
	Chi khác	-	33.663
Bà Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Tạm ứng	-	5.000.000
	Hoàn tạm ứng	-	20.000.000
	Thu khác	-	10.759.500
	Chi khác	-	10.759.500
Bà Nguyễn Thu Trang	Thu khác	-	31.426.043
	Chi khác	-	31.426.043

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư nợ phải thu, nợ phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Vũ Quang Chính	Phải trả khác	3.600.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Tân	Phải trả khác	8.765.000	-
Bà Lê Thị Hằng	Phải thu khác	8.800	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Các bên liên quan khác với Công ty:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Công ty mẹ
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	Công ty con
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	Công ty con
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam-Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
Trường Đại Học Văn Hiến	Cổ đông lớn, Thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Tập đoàn Hạt Việt Nam	Thành viên cùng tập đoàn
Quỹ Trái tim Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	3.179.132.010	3.108.911.068
	Thu tiền bán hàng	2.487.918.022	396.005.261
	Mượn tiền	7.744.500.000	120.441.800.000
	Trả lại tiền mượn	66.484.357.000	97.156.243.000
	Cho vay tiền	361.342.661.747	-
	Thu lại tiền cho vay	215.809.538.227	-
	Lãi cho vay	17.223.656.396	-
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	18.102.000.000	21.600.000
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	Bán hàng hoá, dịch vụ	56.355.195	-
	Thu tiền bán hàng	25.714.611	-
	Mua hàng hóa, dịch vụ	14.352.951.175	-
	Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	14.419.668.000	-
	Ký quỹ gia công	63.000.000.000	-
	Cho vay tiền	57.805.500.000	86.013.540.000
	Thu lại tiền cho vay	-	16.952.000.000
	Lãi cho vay	5.725.157.795	969.026.212
	Cho mượn tiền	550.000.000	-
	Thu lại tiền cho mượn	500.000.000	-
	Góp vốn	-	6.000.000.000
Trường Đại Học Văn Hiến	Bán hàng hoá, dịch vụ	70.671.686.441	50.055.265.340
	Thu tiền bán hàng	53.682.244.116	50.284.424.452
	Mượn tiền	300.000.000	-
	Trả lại tiền mượn	300.000.000	-
	Tài trợ học bổng	25.000.000	-
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	151.517.232	850.136.461
	Thu tiền bán hàng	12.438.610	221.380.712
	Chi phí khác	-	11.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	71.954.786.804	43.364.236.005
	Thu tiền bán hàng	55.547.874.397	58.224.191.098
	Mua hàng hoá	15.628.234.374	13.512.897.537
	Trả tiền mua hàng hóa	30.056.660.349	-
	Cho vay tiền	28.016.000.000	8.764.000.000
	Thu lại tiền cho vay	27.060.000.000	-
	Cho mượn tiền	5.300.000.000	10.650.000.000
	Thu lại tiền cho mượn	4.500.000.000	23.270.000.000
	Cổ tức được chia	-	6.181.000.000
	Thu cổ tức	881.000.000	5.300.000.000
	Lãi cho vay	7.373.298.411	4.727.475.600
	Thu lãi cho vay	-	5.069.032.893
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	1.115.394	246.500
	Thu tiền bán hàng	-	197.221.900
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	75.795.866	13.788.871
	Thu tiền bán hàng	81.859.530	14.891.980
	Mua hàng	78.856.460	-
	Trả tiền mau hàng	85.460.690	-
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	179.651.678	23.115.346
	Bán thanh lý tài sản	-	50.000.000
	Thu tiền bán hàng, thanh lý tài sản	172.032.236	8.516.367
	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	171.529.150
	Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	8.499.383	-
	Bù trừ tiền mua hàng với bán hàng	176.752.099	-
Công ty TNHH Tập đoàn Hạt Việt Nam	Mua hàng hóa, dịch vụ	223.329.040	-
Quỹ trái tim Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	3.652.764	-
	Thu tiền bán hàng	3.944.985	-
	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.000.000
	Chi khác	50.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư nợ phải thu, nợ phải trả với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	6.777.387.058	5.884.407.080
	Phải thu khác	17.223.656.396	-
	Phải thu về cho vay	145.533.123.520	-
	Phải trả khác	-	58.739.857.000
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	Phải trả người bán	-	18.068.875.986
	Trả trước cho người bán	33.124.014	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	Phải thu khách hàng	35.148.980	-
	Phải thu khác	69.744.184.007	969.026.212
	Phải thu về cho vay	134.505.437.940	76.699.937.940
	Trả trước cho người bán	75.432.396	-
	Chi phí phải trả	42.779.834	-
Trường Đại Học Văn Hiến	Phải thu khách hàng	32.772.675.607	8.771.277.828
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	1.671.600.000	1.520.400.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	46.476.680.150	26.328.435.489
	Phải thu khác	9.985.774.011	2.693.475.600
	Phải thu về cho vay	43.111.000.000	42.155.000.000
	Phải trả người bán	2.308.867.000	16.504.248.170
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	13.032.618.281	13.031.413.656
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	Phải trả người bán	1.213.550	-
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	-	155.268.228
	Phải trả người bán	-	185.251.482
Công ty TNHH Tập đoàn Hạt Việt Nam	Phải trả người bán	234.495.491	-
	Chi phí phải trả	35.848.856	-
Quỹ trái tim Hùng Hậu	Phải thu khác	545.000.000	500.000.000
	Phải trả khác	-	5.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty được phân bổ chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	600.616.378.938	355.436.180.926
Trong nước	1.779.098.576.017	1.182.489.399.132
Cộng	2.379.714.954.955	1.537.925.580.058

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản, nông sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá, ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

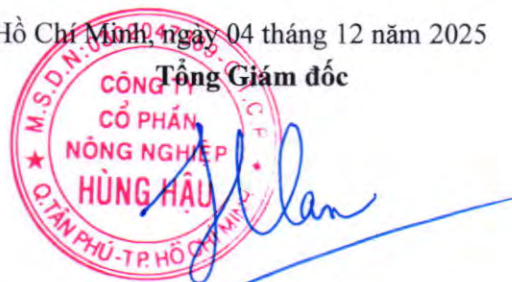
Không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Lâm Bích Ngọc

Nguyễn Hoàng Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 30 tháng 09 năm 2025**





CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 14.2025/CV-HHA

TP.HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

V/v: Giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế
hợp nhất năm 2025 so với năm 2024

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (mã chứng khoán: SJ1) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 32.720.900.420 đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2024, tương đương tăng 1.347.656.210 đồng. Nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Doanh thu thuần năm 2025 đạt 2.407.221.133.960 đồng, tăng 57% so với cùng kỳ năm 2024 (tương đương 869.295.533.902 đồng), dẫn đến lợi nhuận gộp đạt 163.838.231.499 đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm 2024 (tương đương 43.147.112.847 đồng).
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 12.195.095.851 đồng, tăng 51% so với cùng kỳ năm 2024.
- Chi phí lãi vay tăng 20.389.960.181 đồng, tăng 44% so với cùng kỳ năm 2024.
- Chi phí bán hàng tăng 11.964.223.561 đồng, tăng 52% so với cùng kỳ năm 2024.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 22.632.682.544 đồng, tăng 85% so với cùng kỳ năm 2024.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 7.926.141.349 đồng, tăng 93% so với cùng kỳ năm 2024.

Trên đây là phần giải trình biến động về Lợi nhuận sau thuế giữa hai kỳ báo cáo của Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VP

CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HOÀNG TÂN

V/v: giải trình BCTC hợp nhất năm tài chính 2025
so với BCKT hợp nhất năm tài chính 2025

TP. HCM, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty xin giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2025 so với Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm tài chính 2025 như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Báo cáo lũy kế năm 2025	Báo cáo kiểm toán năm 2025	Chênh lệch	Lý do
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	126.146.389.190	126.307.009.988	160.620.798	Bổ sung lãi tiền gửi có kỳ hạn.
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	294.893.722.461	297.212.119.481	2.318.397.020	- Điều chỉnh tăng phải thu khách hàng do điều chỉnh khoản doanh thu chưa thực hiện.
Trả trước cho người bán ngắn hạn	17.055.570.585	16.911.006.956	(144.563.629)	Trình bày lại khoản trả trước người bán trên báo cáo tài chính
Phải thu ngắn hạn khác	49.251.278.294	49.365.995.177	114.716.883	Trình bày lại khoản phải thu ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính.
Hàng tồn kho	407.877.871.276	413.810.993.775	5.933.122.499	Điều chỉnh tăng khoản hàng đi đường do điều chỉnh giá vốn của khoản doanh thu chưa thực hiện.
Tài sản dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	32.485.197.542	32.510.222.542	25.025.000	Trình bày lại khoản phải thu dài hạn khác trên báo cáo tài chính.
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	631.052.912.175	630.893.102.175	(159.810.000)	Trình bày lại khoản nguyên giá tài sản cố định hữu hình



Chỉ tiêu	Báo cáo lũy kế năm 2025	Báo cáo kiểm toán năm 2025	Chênh lệch	Lý do
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	(149.770.753.912)	(149.022.412.282)	748.341.630	Trình bày lại hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định thuê tài chính	(8.465.633.376)	(8.994.640.520)	(529.007.144)	Trình bày lại hao mòn lũy kế tài sản cố định thuê tài chính
Tổng cộng tài sản	1.983.084.886.116	1.991.624.599.159	8.539.713.043	
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả				
Phải trả người bán ngắn hạn	117.091.748.402	108.991.404.709	(8.100.343.693)	Phân loại lại khoản phải trả người bán ngắn hạn sang phải trả người bán dài hạn
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	33.803.990.103	34.018.539.878	214.549.775	Tăng thuế TNDN do ảnh hưởng từ các bút toán điều chỉnh.
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	8.819.729.027	8.819.729.027	Phân loại lại doanh thu chưa thực hiện đối với lô hàng đang đi đường.
Phải trả ngắn hạn khác	5.042.651.541	5.331.982.555	289.331.014	Trình bày lại khoản phải trả ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính.
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	954.105.478.050	984.289.788.326	30.184.310.276	Phân loại lại khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
Phải trả người bán dài hạn	22.142.659.489	30.207.854.202	8.065.194.713	Phân loại lại khoản phải trả người bán ngắn hạn sang phải trả người bán dài hạn
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	209.731.214.483	179.306.726.121	(30.424.488.362)	Phân loại lại khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chỉ tiêu	Báo cáo lũy kế năm 2025	Báo cáo kiểm toán năm 2025	Chênh lệch	Lý do
Nguồn vốn chủ sở hữu				
LNST chưa phân phối kỳ này	32.604.629.387	32.116.382.705	(488.246.682)	Điều chỉnh giảm LNST chưa phân phối do ảnh hưởng từ các bút toán điều chỉnh
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	44.176.052.377	44.155.729.352	(20.323.025)	Điều chỉnh do thay đổi KQKD
Tổng cộng nguồn vốn	1.983.084.886.116	1.991.624.599.159	8.539.713.043	

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Báo cáo lũy kế năm 2025	Báo cáo kiểm toán năm 2025	Chênh lệch	Lý do
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.415.150.856.915	2.408.435.169.088	(6.715.687.827)	Phân loại lại doanh thu đối với lô hàng đang đi đường.
Giá vốn hàng bán	2.249.770.894.383	2.243.382.902.461	(6.387.991.922)	Phân loại lại giá vốn hàng bán đối với lô hàng đang đi đường.
Doanh thu hoạt động tài chính	33.808.179.040	35.923.460.683	2.115.281.643	Phân loại lại doanh thu tài chính
Chi phí tài chính	65.925.533.119	67.934.168.638	2.008.635.519	Phân loại lại khoản chi phí tài chính
Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.264.809.089	49.337.779.241	72.970.152	Điều chỉnh bổ sung chi phí quản lý doanh nghiệp
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.212.252.296	16.426.802.071	214.549.775	Điều chỉnh thuế TNDN hiện hành do thay đổi KQKD

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



NGUYỄN HOÀNG TÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025.

1. Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Vũ Quang Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024
Bà Nguyễn Yến	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024
Ông Nguyễn Hoàng Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024
Ông Trần Huy Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024
Bà Phạm Thị Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024
Bà Lê Thị Thùy Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Trần Huy Hoàng	Chủ tịch	Bổ nhiệm 16/01/2025
Bà Lê Thị Thùy Phương	Chủ tịch	Miễn nhiệm 16/01/2025
Bà Nguyễn Yến	Thành viên	Bổ nhiệm 16/01/2025
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm 16/01/2025

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/10/2024
Ông Vũ Quang Chính	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/10/2024
Bà Nguyễn Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Miễn nhiệm ngày 09/05/2025
Bà Lê Thị Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/12/2024
Bà Nguyễn Thị Bích Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024
Bà Võ Thị Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/05/2025
Ông Nguyễn Văn Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/09/2025
		Bổ nhiệm ngày 22/11/2024
Bà Phạm Thị Bích Như	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/09/2025
Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/12/2024
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/11/2024
Bà Nguyễn Viết Thúy An	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024
Ông Lê Phạm Công Hoang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024
		Bổ nhiệm ngày 29/09/2025

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Bà Lâm Bích Ngọc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 09/05/2025
Bà Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 09/05/2025

Đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Hoàng Tân	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quang Chính	Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở hoạt động đặt tại Số Số 1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3. Các hoạt động chính

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm.

4. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 06 đến trang 37.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

6. Đơn vị kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Công ty.

7. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này có được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh đính kèm của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Các cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HOÀNG TÂN



Số: 2508.HN/2025/BCKT/SVCN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG,

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 04 tháng 12 năm 2025 từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc việc hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty được xác định trên cơ sở hoạt động liên tục. Trong năm, Công ty con là Công ty TNHH Nưc nghiệp Hùng Hậu đang thực hiện thủ tục xin giải thể theo yêu cầu quản lý, nên sẽ ảnh hưởng đến tính chất hoạt động liên tục của Công ty TNHH Nưc nghiệp Hùng Hậu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Vì thế Báo cáo tài chính của công ty con vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục để phục vụ cho việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã ký báo cáo kiểm toán số: 789/BCKT-TC/2024/AASCS ngày 04 tháng 12 năm 2024 và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2025

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT



Giám đốc

LÊ NHẬT LINH

Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 3234-2021-107-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ LAN ANH

Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 4291-2023-107-1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.165.914.019.548	768.526.723.505	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	27.570.485.524	36.103.456.196	
1. Tiền	111		27.570.485.524	36.103.456.196	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		126.307.009.988	62.138.069.664	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	126.307.009.988	62.138.069.664	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		562.622.321.158	273.091.558.067	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	297.212.119.481	115.164.638.686	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	16.911.006.956	85.372.679.534	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	199.531.737.592	59.617.894.644	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	49.365.995.177	12.936.345.203	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(398.538.048)	-	
IV. Hàng tồn kho	140		413.810.993.775	378.823.950.050	
1. Hàng tồn kho	141	V.08	413.810.993.775	378.823.950.050	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.603.209.103	18.369.689.528	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	3.802.897.415	2.583.056.222	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.745.197.079	15.731.518.697	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		55.114.609	55.114.609	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		825.710.579.611	573.186.091.148	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.510.222.542	9.228.371.547	
Phải thu dài hạn khác	216	V.10	32.510.222.542	9.228.371.547	
II. Tài sản cố định	220		699.346.427.520	243.108.832.803	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	481.870.689.893	141.041.346.102	
Nguyên giá	222		630.893.102.175	273.474.181.348	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.022.412.282)	(132.432.835.246)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	128.124.938.863	11.561.717.730	
Nguyên giá	225		137.119.579.383	14.417.317.315	
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.994.640.520)	(2.855.599.585)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	89.350.798.764	90.505.768.971	
Nguyên giá	228		102.326.820.014	102.281.820.014	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.976.021.250)	(11.776.051.043)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.236.651.335	236.850.678.674	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	11.236.651.335	236.850.678.674	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		31.325.500.000	30.825.500.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.15	31.325.500.000	30.825.500.000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		51.291.778.214	53.172.708.124	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	50.537.914.490	52.757.849.436	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		389.290.938	-	
3. Lợi thế thương mại	269	V.17	364.572.786	414.858.688	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.991.624.599.159	1.341.712.814.653	

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

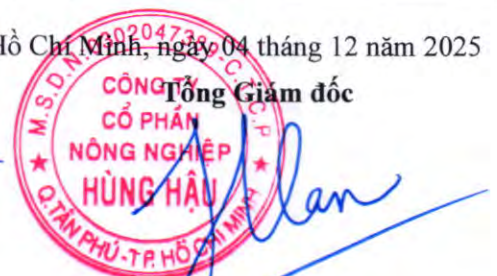
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.365.956.716.773	979.132.174.396
I. Nợ ngắn hạn	310		1.156.442.136.450	760.871.814.820
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.18	108.991.404.709	54.210.558.923
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.19	6.707.994.698	2.647.697.267
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.20	34.018.539.878	16.897.433.745
4. Phải trả người lao động	314	V.21	8.097.220.372	6.326.244.484
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	C.22	185.438.577	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.23	8.819.729.027	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24	5.331.982.555	4.014.006.529
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.25	984.289.788.326	676.775.835.564
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.308	38.308
II. Nợ dài hạn	330		209.514.580.323	218.260.359.576
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.26	30.207.854.202	31.274.133.236
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	58.739.857.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.27	179.306.726.121	128.155.979.807
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	90.389.533
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		625.667.882.386	362.580.640.257
I. Vốn chủ sở hữu	410		625.667.882.386	362.580.640.257
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.28	434.727.160.000	234.851.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		434.727.160.000	234.851.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	106.116.913.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	415	V.28	(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.28	5.011.297.455	5.011.297.455
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.28	35.666.881.619	32.747.863.205
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.550.498.914	1.389.350.157
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		32.116.382.705	31.358.513.048
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.28	44.155.729.352	43.551.211.637
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.991.624.599.159	1.341.712.814.653

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Lâm Bích Ngọc

Nguyễn Hoàng Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

					Đơn vị tính: VND
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.408.435.169.088	1.538.505.868.891	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	1.214.035.128	580.288.833	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	2.407.221.133.960	1.537.925.580.058	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.243.382.902.461	1.417.234.461.406	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		163.838.231.499	120.691.118.652	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	35.923.460.683	23.728.364.832	
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	67.934.168.638	53.217.858.979	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		66.411.385.886	46.021.425.705	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	34.978.336.221	23.014.112.660	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	49.337.779.241	26.705.096.697	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.511.408.082	41.482.415.148	
12. Thu nhập khác	31	VI.07	2.015.372.861	1.085.771.927	
13. Chi phí khác	32	VI.08	858.758.923	2.899.078.068	
14. Lợi nhuận khác	40		1.156.613.938	(1.813.306.141)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.668.022.020	39.669.109.007	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	16.426.802.071	8.500.660.722	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(479.680.471)	(204.795.925)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.720.900.420	31.373.244.210	
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		32.116.382.705	31.358.513.048	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		604.517.715	14.731.162	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	729	1.295	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Kế toán trưởng

Lâm Bích Ngọc

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Tân

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		48.668.022.020	39.669.109.007
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		24.520.899.973	15.304.312.656
- Các khoản dự phòng	03		398.538.048	(87.639.878)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.176.263.482)	(1.233.757.667)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(30.806.683.130)	(17.137.090.745)
- Chi phí lãi vay	06	VI.04	66.411.385.886	46.021.425.705
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		108.015.899.315	82.536.359.078
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(219.781.953.165)	51.742.074.337
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(34.987.043.725)	(24.905.831.729)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.410.787.462	75.305.232.698
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.000.093.753	(7.494.741.288)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(66.411.385.886)	(46.021.425.705)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(11.934.472.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20		(209.753.602.246)	119.227.195.146
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(57.359.781.708)	(170.965.462.622)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22		1.513.541.552	1.030.169.555
3. Tiền chi cho vay	23		(473.348.681.167)	(58.033.410.022)
4. Tiền thu hồi cho vay	24		270.104.217.421	34.016.721.796
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	900.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		6.089.265.771	15.560.223.961
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT	30		(253.501.438.131)	(177.491.757.332)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		259.563.706.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	33	V.25;27	2.018.622.970.629	1.474.093.464.270
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	34	V.25;27	(1.767.186.481.756)	(1.378.673.508.771)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.25;27	(28.611.547.297)	(3.780.957.749)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(28.209.441.900)	(11.707.331.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC	40		454.179.205.676	79.931.666.550
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.075.834.701)	21.667.104.364
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	36.103.456.196	14.409.000.271
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi NT	61		542.864.029	27.351.561
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	27.570.485.524	36.103.456.196

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Lâm Bích Ngọc

Nguyễn Hoàng Tân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy sản số 1. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302047389 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh – Phòng đăng ký kinh doanh.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã ba mươi hai (32) lần được Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh – Phòng đăng ký kinh doanh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Thay đổi lần thứ ba mươi hai (32) gần đây nhất (ngày 19 tháng 08 năm 2025) về việc thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 434.727.160.000 VND

Mệnh giá cổ phần 10.000 VND

Tổng số cổ phần 43.472.716 cổ phần

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 1004A Âu Cơ, Phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84 - 28) 3974 1135

Fax : (84 - 28) 3974 1280

Mã số thuế : 0 3 0 2 0 4 7 3 8 9

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm;
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Người lao động

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có khoảng 612 người lao động đang làm việc (tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 khoảng 439 người).

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Địa chỉ	Ngành nghề
Công ty con:				
Công ty TNHH Ngr nghiệp Hùng Hậu	65,00%	100,00%	Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, Xã Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản,...
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	54,06%	54,06%	Lô CVI-2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến rau quả, nông sản xuất khẩu; Chế biến bảo quản thủy sản,...

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/10 và kết thúc vào ngày 30/09 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất****Công ty con**

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Các báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con phải được lập cùng năm tài chính với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định,...) phải được loại trừ hoàn toàn. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương

pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, và được phân loại:

- Có thời hạn thu hồi dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình: Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08

9. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời hạn thuê đất (Từ 32 - 44 năm).

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao từ 05 đến 08 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại kỳ phiếu, tín phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai; các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trên cơ sở dự thu. Thu nhập lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản đầu tư khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

14. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ dài hạn.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.;
- Vốn khác: Hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào (đối với tài sản) và tỷ giá bán ra (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ khi đã cung cấp;

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty xác định thu nhập đối với hoạt động chế biến thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 15% theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác áp dụng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19. Báo cáo theo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có thể chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Các bên liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, nhân viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.478.190.741	1.681.171.232
Tiền gửi ngân hàng	24.092.294.783	34.422.284.964
Cộng	27.570.485.524	36.103.456.196

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	32.000.000.000	32.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - CN TP. HCM	25.340.000.000	25.340.000.000	20.170.000.000	20.170.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Điền	28.967.009.988	28.967.009.988	27.968.069.664	27.968.069.664
Cộng	126.307.009.988	126.307.009.988	62.138.069.664	62.138.069.664

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	168.665.635.377	59.473.436.405
Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Tháp Mười	-	16.422.022.772
Công ty TNHH Nông nghiệp Tây Nguyên	15.682.462.008	18.081.014.738
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	27.916.514.000	-
Các khách hàng khác	125.066.659.369	24.970.398.895
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	128.546.484.104	55.691.202.281
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	54.120.203.158	26.328.435.489
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	13.032.618.281	13.031.413.656
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	6.777.387.058	5.884.407.080
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	1.671.600.000	1.520.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trường Đại học Văn Hiến	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	52.944.675.607	8.771.277.828
Cộng	-	155.268.228
	297.212.119.481	115.164.638.686

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	16.911.006.956	85.372.679.534
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	-	26.827.551.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại H&T	2.397.251.168	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Thương mại Dịch vụ Nasa	-	6.890.338.830
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thép Hoàng Việt	2.901.331.152	1.740.798.691
Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ điện PCCC Miền Nam	3.621.475.893	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Miền Tây	-	41.753.577.932
Các nhà cung cấp khác	7.990.948.743	8.160.413.081
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	16.911.006.956	85.372.679.534

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay là bên thứ ba	10.887.614.072	17.462.894.644
Cá nhân ngoài Công ty	10.887.614.072	17.462.894.644
Phải thu về cho vay là bên liên quan	188.644.123.520	42.155.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	43.111.000.000	42.155.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	145.533.123.520	-
Cộng	199.531.737.592	59.617.894.644

6. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác là bên thứ ba	21.611.555.970	9.742.869.603
Tạm ứng	342.981.636	1.392.748.873
Ký quỹ, ký cược	5.142.000.000	163.005.960
Lãi tiền gửi dự thu	2.446.698.530	1.291.623.763
Lãi cho vay cá nhân	1.778.498.901	3.000.857.680
Phải thu khoản ứng đầu tư	6.000.000.000	-
Các đối tượng khác	5.901.376.903	3.894.633.327
Phải thu khác là các bên liên quan	27.754.439.207	3.193.475.600
Bà Lê Thị Hằng	8.800	-
Quỹ trái tim Hùng Hậu	545.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	9.985.774.011	2.693.475.600
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	17.223.656.396	-
Cộng	49.365.995.177	12.936.345.203

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu 5 Sao Bình Phước	797.076.096	(398.538.048)	-	-
Cộng	797.076.096	(398.538.048)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	11.073.743.933	1.844.758.357
Công cụ, dụng cụ	3.524.735.446	2.351.064.159
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.894.157.803	1.355.880.650
Thành phẩm	389.306.197.097	371.406.444.040
Hàng hóa	335.010.111	12.902.039
Hàng gửi bán	7.677.149.385	1.852.900.805
Cộng	413.810.993.775	378.823.950.050

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất	1.315.266.746	5.179.450.680	(4.978.751.720)	1.515.965.706
Chi phí bảo hiểm	324.585.383	631.205.753	(556.790.718)	399.000.418
Công cụ, dụng cụ	245.568.450	3.239.944.191	(2.006.073.208)	1.479.439.433
Chi phí khác	697.635.643	1.870.374.411	(2.159.518.196)	408.491.858
Cộng	2.583.056.222	10.920.975.035	(9.701.133.842)	3.802.897.415

10. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu khác là bên thứ ba</i>	32.510.222.542	9.228.371.547
Ký quỹ thuê tài chính	22.098.238.000	8.468.826.000
Ký quỹ dài hạn khác	64.835.000	64.835.000
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	10.322.124.542	669.685.547
Các đối tượng khác	25.025.000	25.025.000
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	-	-
Cộng	32.510.222.542	9.228.371.547

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	167.014.886.890	96.878.713.525	6.357.785.955	3.222.794.978	273.474.181.348
Tăng trong năm	244.550.648.951	114.169.243.287	590.000.000	119.337.049	359.429.229.287
Mua sắm mới	-	114.169.243.287	590.000.000	119.337.049	114.878.580.336
Xây dựng cơ bản	244.550.648.951	-	-	-	244.550.648.951
Giảm trong năm	-	(2.010.308.460)	-	-	(2.010.308.460)
Thanh lý	-	(2.010.308.460)	-	-	(2.010.308.460)
Số cuối năm	411.565.535.841	209.037.648.352	6.947.785.955	3.342.132.027	630.893.102.175
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	49.230.923.971	75.893.818.987	5.132.578.111	2.175.514.177	132.432.835.246
Tăng trong năm	8.581.644.032	8.058.545.493	319.096.958	172.316.446	17.131.602.929
Khấu hao trong năm	8.581.644.032	8.058.545.493	319.096.958	172.316.446	17.131.602.929
Giảm trong năm	-	(542.025.893)	-	-	(542.025.893)
Thanh lý	-	(542.025.893)	-	-	(542.025.893)
Số cuối năm	57.812.568.003	83.410.338.587	5.451.675.069	2.347.830.623	149.022.412.282

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	117.783.962.919	20.984.894.538	1.225.207.844	1.047.280.801	141.041.346.102
Số cuối năm	353.752.967.838	125.627.309.765	1.496.110.886	994.301.404	481.870.689.893

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng và Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng. Cụ thể như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay	245.752.349.688	89.932.827.440
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	41.353.352.366	40.404.323.104

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	12.928.962.428	1.488.354.887	14.417.317.315
Tăng trong năm	121.740.626.234	961.635.834	122.702.262.068
<i>Thuê tài chính trong năm</i>	<i>121.740.626.234</i>	<i>961.635.834</i>	<i>122.702.262.068</i>
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	134.669.588.662	2.449.990.721	137.119.579.383
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.716.066.321	139.533.264	2.855.599.585
Tăng trong năm	5.835.700.276	303.340.659	6.139.040.935
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>5.835.700.276</i>	<i>303.340.659</i>	<i>6.139.040.935</i>
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	8.551.766.597	442.873.923	8.994.640.520
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.212.896.107	1.348.821.623	11.561.717.730
Số cuối năm	126.117.822.065	2.007.116.798	128.124.938.863

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Tăng trong năm	-	45.000.000	45.000.000
<i>Mua sắm mới</i>	<i>-</i>	<i>45.000.000</i>	<i>45.000.000</i>
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	101.888.720.014	438.100.000	102.326.820.014
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	11.421.207.112	354.843.931	11.776.051.043
Tăng trong năm	1.184.671.824	15.298.383	1.199.970.207
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>1.184.671.824</i>	<i>15.298.383</i>	<i>1.199.970.207</i>
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	12.605.878.936	370.142.314	12.976.021.250

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	90.467.512.902	38.256.069	90.505.768.971
Số cuối năm	89.282.841.078	67.957.686	89.350.798.764
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã được thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng và Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng. Cụ thể như sau:			
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay	87.413.884.178	88.598.556.002	
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	283.100.000	283.100.000	
14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091	
Dự án rừng Đắk Nông	4.298.001.476	3.842.138.100	
Dự án nhà máy Happyfood Vietnam	3.939.634.950	230.101.175.665	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.120.980.818	1.029.330.818	
Cộng	11.236.651.335	236.850.678.674	
15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
	Số cuối năm	Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)		159.520.000	334.992.000
Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP) (*)		65.980.000	65.980.000
Công ty CP Thực phẩm Hùng Hậu (*)	9%	30.600.000.000	30.600.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Hạt Việt Nam (*)	3%	500.000.000	-
Cộng		31.325.500.000	31.000.972.000
(*) Tại ngày đầu năm và cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này nên giá trị hợp lý được trình bày theo giá gốc.			
16. Chi phí trả trước dài hạn			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển trong năm
	Số cuối năm		
Chi phí tiền thuê đất	39.274.895.365	-	(1.508.931.156)
Chi phí sửa chữa	11.412.693.415	1.786.844.086	(1.522.619.010)
Công cụ, dụng cụ	2.070.260.656	4.402.275.006	(5.529.619.201)
Chi phí khác	-	156.461.482	(4.346.153)
Cộng	52.757.849.436	6.345.580.574	(8.565.515.520)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Lợi thế thương mại

Số đầu năm	414.858.688
Tăng trong năm	-
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(50.285.902)
Số cuối năm	364.572.786

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán là bên thứ ba	106.380.859.668	37.521.059.271
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	5.281.413.126	2.388.215.504
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim Ngân Phát	10.712.648.835	-
Công ty TNHH Thủy sản Global Việt Nam	19.587.695.228	-
Nhà cung cấp khác	70.799.102.479	35.132.843.767
Phải trả người bán là các bên liên quan	2.610.545.041	16.689.499.652
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	2.374.836.000	16.504.248.170
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	-	185.251.482
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	1.213.550	-
Công ty TNHH Tập đoàn Hạt Việt Nam	234.495.491	-
Cộng	108.991.404.709	54.210.558.923

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên thứ ba	6.707.994.698	2.647.697.267
Powertrade General Trading EZE	3.281.887.998	-
FB Munis Dream Nuts	-	1.220.500.000
Mi Food S.R.L	-	457.591.759
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Toki Food	-	429.300.000
Các khách hàng khác	3.426.106.700	540.305.508
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-
Cộng	6.707.994.698	2.647.697.267

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nội địa (*)	(55.114.609)	-	-	(55.114.609)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.703.429.248	(6.695.961.748)	7.467.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.519.359.211	16.426.802.071	-	26.946.161.282
Thuế thu nhập cá nhân	1.694.839.090	3.329.122.893	(3.058.490.770)	1.965.471.213
Thuế tài nguyên	15.548.160	72.055.680	(80.449.280)	7.154.560
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.667.687.284	5.214.556.272	(4.789.958.233)	5.092.285.323
Các khoản thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Cộng	16.842.319.136	31.754.966.164	(14.633.860.031)	33.963.425.269

(*) Khoản thuế nộp thừa được trình bày ở khoản mục “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” (Mã số 153)

+ Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh IV.18.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau (Xem thuyết minh VI.09).

+ Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21. Phải trả người lao động

Tiền lương trong năm còn phải thanh toán cho người lao động.

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả là bên thứ ba	149.589.721	-
Công ty Điện lực Đồng Tháp	149.589.721	-
Chi phí phải trả là các bên liên quan	35.848.856	-
Công ty TNHH Tập đoàn Hạt Việt Nam	35.848.856	-
Cộng	185.438.577	-

23. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Khoản doanh thu hàng xuất khẩu chưa thực hiện phát sinh trong năm.

24. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác là bên thứ ba	5.306.657.555	3.996.046.529
Kinh phí công đoàn	2.093.548.821	1.917.416.611
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.287.611.427	1.286.374.460
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	225.822.215	178.796.400
Các khoản phải trả khác	699.675.092	613.459.058
Phải trả khác là các bên liên quan	25.325.000	17.960.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	12.960.000	12.960.000
Quỹ trái tim Hùng Hậu	-	5.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Tân	8.765.000	-
Ông Vũ Quang Chính	3.600.000	-
Cộng	5.331.982.555	4.014.006.529

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

25. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (a)	923.000.246.389	634.363.910.140
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	95.922.431.348	22.981.213.615
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	356.488.004.890	245.839.300.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	15.358.390.815
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	94.765.125.643	93.201.627.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	249.711.639.616	221.571.378.710
Ngân hàng Hua Nan Comercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. HCM	46.133.935.055	35.412.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	79.979.109.837	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (b)	61.289.541.937	42.411.925.424
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	31.626.132.000	31.211.232.004
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	5.900.076.000	7.766.366.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	22.513.333.933	2.184.327.416
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	1.250.000.004	1.250.000.004
Cộng	984.289.788.326	676.775.835.564

(a) **Vay ngắn hạn**

Khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng theo các Hợp đồng cụ thể như sau:

Bên cho vay/ Số, ngày hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)				
UOB/HCMC/CMB-3072 ngày 28/11/2024 - tự động gia hạn sau 1 năm	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	95.922.431.348	Tiền gửi có kỳ hạn, Khoản phải thu, Tài sản cá nhân
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín				
201918906827/L1 ngày 03/07/2025	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	356.488.004.890	Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu công trình trên đất, NCVKT, PTVT của Công ty, Quyền đòi nợ từ các thương vụ xuất khẩu do Sacombank tài trợ, Hàng tồn kho
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam				
1606-LAV-202500276 ngày 14/08/2025	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	94.765.125.643	Quyền sử dụng đất, NCVKT, PTVT của Công ty, Hàng tồn kho của Công ty, Bất động sản của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam				
01/2024/1777831/HĐTD ngày 27/08/2024	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	249.711.639.616	Quyền thuê đất, NCVKT, MMTB, PTVT của Công ty
01.01/2024/1777831/HĐTD/SĐ BS ngày 12/09/2025				
Ngân hàng Hua Nan Comercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. HCM				
HNHCMCFL-S/23/2025 ngày 12/03/2025	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	46.133.935.055	Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Hua Nan, Tài sản cá nhân của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam				
VN124013334/2024/WBVN300 ngày 03/10/2024	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	79.979.109.837	Tiền gửi có kỳ hạn, Tài sản cá nhân
Cộng			923.000.246.389	

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	22.981.213.615	263.500.024.038	(190.558.806.305)	-	95.922.431.348
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	245.839.300.000	736.155.375.532	(625.527.150.000)	20.479.358	356.488.004.890
Ngân hàng TMCP Á Châu	15.358.390.815	22.356.880.000	(38.091.020.815)	375.750.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	93.201.627.000	205.215.792.943	(203.986.419.230)	334.124.930	94.765.125.643
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	221.571.378.710	532.468.630.918	(504.520.265.100)	191.895.088	249.711.639.616
Ngân hàng Hua Nan Comercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. HCM	35.412.000.000	96.247.157.361	(85.525.222.306)	-	46.133.935.055
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	159.979.109.837	(80.000.000.000)	-	79.979.109.837
Cộng	634.363.910.140	2.015.922.970.629	(1.728.208.883.756)	922.249.376	923.000.246.389

(b) Vay và nợ dài hạn đến hạn trả

Khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả của các ngân hàng và Công ty cho thuê tài chính (xem thuyết minh V.27). Chi tiết khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

	Số đầu năm	Vay và nợ đến hạn trả trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	31.211.232.004	31.626.131.996	(31.211.232.000)	31.626.132.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	7.766.366.000	5.900.076.000	(7.766.366.000)	5.900.076.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	2.184.327.416	22.513.333.937	(2.184.327.420)	22.513.333.933
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.250.000.004	1.250.000.004	(1.250.000.004)	1.250.000.004
Cộng	42.411.925.424	61.289.541.937	(42.411.925.424)	61.289.541.937

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

26. Phải trả dài hạn người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán là bên thứ ba	30.207.854.202	31.274.133.236
Công ty TNHH Hùng Cá	3.424.005.500	3.424.005.500
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Hiếu Phần	-	4.232.365.904
Công ty TNHH Tài nguyên Viễn Đông	-	4.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vitecons	3.739.961.523	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Thương mại Dịch vụ Nasa	4.325.233.190	-
Nhà cung cấp khác	3.718.653.989	4.617.761.832
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	30.207.854.202	31.274.133.236

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

27. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn (a)	88.950.536.000	123.776.743.996
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	87.271.012.000	116.197.143.996
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.679.524.000	7.579.600.000
Nợ thuê tài chính (b)	90.356.190.121	4.379.235.811
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	89.418.690.134	2.191.735.820
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	937.499.987	2.187.499.991
Cộng	179.306.726.121	128.155.979.807

Chi tiết khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển đến hạn trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn	123.776.743.996	2.700.000.000	-	(37.526.207.996)	88.950.536.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	116.197.143.996	2.700.000.000	-	(31.626.131.996)	87.271.012.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	7.579.600.000	-	-	(5.900.076.000)	1.679.524.000
Nợ thuê tài chính	4.379.235.811	134.917.508.124	(25.177.219.873)	(23.763.333.941)	90.356.190.121
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	2.191.735.820	134.917.508.124	(25.177.219.873)	(22.513.333.937)	89.418.690.134
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.187.499.991	-	-	(1.250.000.004)	937.499.987
Cộng	128.155.979.807	137.617.508.124	(25.177.219.873)	(61.289.541.937)	179.306.726.121

(a) Khoản vay dài hạn của ngân hàng theo các Hợp đồng cụ thể như sau:

Bên cho vay/ Số, ngày hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm			Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam						
1606- LDS202001537	60 tháng	Theo từng lần giải ngân và	76.100.000	-	76.100.000	Quyền sử dụng đất,

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên cho vay/ Số, ngày hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm			Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng	
1606-LAV-202200841 ngày 11/11/2022	120 tháng	từng hợp đồng cụ thể	4.700.000.000	-	4.700.000.000	NCVKT, PTVT của Công ty Dự án nhà máy Happyfood
1606-LAV-202200841 ngày 11/11/2022	84 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	26.850.032.000	87.271.012.000	114.121.044.000	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín						
LD1623100128	60 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	4.530.000.000	-	4.530.000.000	Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu công trình trên đất, NCVKT, PTVT của Công ty
LD1728500607	120 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	1.370.076.000	1.679.524.000	3.049.600.000	
Cộng			37.526.208.000	88.950.536.000	126.476.744.000	

(b) Khoản nợ thuê tài chính chi tiết theo các Hợp đồng cụ thể như sau:

Bên cho thuê/ Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số cuối năm		
		Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam				
2021-00196-000 ngày 26/01/2022	48 tháng	163.480.561	-	163.480.561
2021-00195-000 ngày 26/01/2022	48 tháng	521.358.888	-	521.358.888
2023-00233-000 ngày 02/11/2023	36 tháng	361.872.036	60.311.998	422.184.034
2023-00234-000 ngày 24/10/2023	36 tháng	428.473.392	142.824.432	571.297.824
2024-00002-000 ngày 26/01/2024	36 tháng	32.811.336	13.671.382	46.482.718
2024-00001-000 ngày 05/02/2024	36 tháng	128.263.668	74.820.469	203.084.137
2024-00093-000 ngày 03/06/2024	36 tháng	32.811.336	24.608.494	57.419.830
2024-00092-000 ngày 03/06/2024	36 tháng	112.597.008	93.830.816	206.427.824
2024-00226-001 ngày 10/10/2024	36 tháng	482.689.632	522.913.748	1.005.603.380
2024-00225-001 ngày 30/09/2024	48 tháng	264.072.528	550.151.086	814.223.614
2024-00256-001 ngày 21/11/2024	36 tháng	387.177.336	451.706.884	838.884.220
2024-00173-001 ngày 27/06/2025	72 tháng	6.144.889.668	29.188.225.915	35.333.115.583
2024-00171-001 ngày 28/06/2024	72 tháng	2.847.778.332	12.340.372.710	15.188.151.042
2024-00172-001 ngày 28/06/2024	72 tháng	10.605.058.212	45.955.252.200	56.560.310.412
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
64/2023/CN.MN-CTTC ngày 12/06/2023	48 tháng	1.250.000.004	937.499.987	2.187.499.991
Cộng		23.763.333.937	90.356.190.121	114.119.524.058

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Nợ thuê tài chính đã thanh toán**

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	5.451.472.173	719.444.989	4.732.027.184	4.477.349.641	696.391.892	3.780.957.749
Trên 5 năm	31.921.644.164	8.042.124.051	23.879.520.113	-	-	-
Cộng	37.373.116.337	8.761.569.040	28.611.547.297	4.477.349.641	696.391.892	3.780.957.749

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

28. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	13.383.008.535	30.421.099.975	330.085.673.925
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	31.358.513.048	14.731.162	31.373.244.210
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(11.742.072.000)	-	(11.742.072.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(321.405.878)	-	(321.405.878)
Tăng trong năm (Do tăng vốn)	-	-	-	-	-	13.185.200.000	13.185.200.000
Tăng/Giảm do thay đổi tỷ lệ góp vốn	-	-	-	-	69.819.500	(69.819.500)	-
Số dư cuối năm trước	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	32.747.863.205	43.551.211.637	362.580.640.257
Số dư đầu năm nay	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	32.747.863.205	43.551.211.637	362.580.640.257
Tăng vốn trong năm từ phát hành cổ phiếu	199.875.620.000	59.688.086.000	-	-	-	-	259.563.706.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	32.116.382.705	604.517.715	32.720.900.420
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(28.256.608.900)	-	(28.256.608.900)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(940.755.391)	-	(940.755.391)
Số dư cuối năm nay	434.727.160.000	106.116.913.960	(10.100.000)	5.011.297.455	35.666.881.619	44.155.729.352	625.667.882.386

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/12/2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua mức thù lao Hội đồng Quản trị, thư ký là 3% lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức bằng tiền mặt tương đương 6,5%/ trên số cổ phiếu đang lưu hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2024

Chi tiết tình hình vốn góp của chủ sở hữu như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	240.896.320.000	55,413%	120.448.160.000	51,287%
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam				
- Công ty Cổ phần	23.474.530.000	5,400%	23.474.530.000	9,995%
Trường Đại học Văn Hiến	37.827.820.000	8,702%	18.913.910.000	8,054%
Công ty TNHH Khởi nghiệp Heritage	25.706.630.000	5,913%	6.122.520.000	2,607%
Vốn góp của các đối tượng khác	106.821.860.000	24,572%	65.892.420.000	28,057%
Cộng	434.727.160.000	100,000%	234.851.540.000	100,000%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.472.716	23.485.154
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.472.716	23.485.154
- Cổ phiếu phổ thông	43.472.716	23.485.154
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.471.706	23.484.144
- Cổ phiếu phổ thông	43.471.706	23.484.144
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành		10.000 VND

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán (ngoại tệ các loại)

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	62.112,35	86.587,15
EUR	152,39	862,85
CNY	-	2.775,20
JPY	20.000,00	20.000,00
KRW	1.558.000,00	-
SGD	900,00	900,00
IDR	3.824.000,00	3.824.000,00

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	2.408.435.169.088	1.538.505.868.891
- Doanh thu bán hàng hóa	631.318.878.358	72.065.875.424
- Doanh thu bán thành phẩm	1.604.601.234.675	1.371.846.820.509
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	172.515.056.055	94.593.172.958
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.214.035.128	580.288.833
- Chiết khấu thương mại	91.206.368	5.057.398
- Hàng bán bị trả lại	1.122.828.760	575.231.435
Doanh thu thuần	2.407.221.133.960	1.537.925.580.058

Trong đó:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa	631.318.878.358	72.065.875.424
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.603.387.199.547	1.371.266.531.676
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	172.515.056.055	94.593.172.958

(*) Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.01)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	578.017.214.285	61.961.859.511
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	1.579.924.555.863	1.301.211.327.108
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	85.441.132.313	54.061.274.787
Cộng	2.243.382.902.461	1.417.234.461.406

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.761.424.145	10.775.267.979
Cổ tức được chia	-	6.196.952.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.985.773.056	5.501.967.006
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.176.263.482	1.233.757.667
Doanh thu tài chính khác	-	20.420.180
Cộng	35.923.460.683	23.728.364.832

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	66.411.385.886	46.021.425.705
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.522.782.752	7.084.630.334
Chi phí tài chính khác	-	111.802.940
Cộng	67.934.168.638	53.217.858.979

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.681.675.394	8.872.679.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.900.455.591	9.897.304.543
Chi phí khác	10.396.205.236	4.244.128.160
Cộng	34.978.336.221	23.014.112.660

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	30.537.441.491	17.435.594.373
Chi phí đồ dùng văn phòng	247.732.966	11.876.068
Chi phí khấu hao	901.028.461	595.347.379
Thuế, phí và lệ phí	19.735.824	20.258.018
Chi phí dự phòng	398.538.048	(87.639.878)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.270.379.678	3.998.277.975
Chi phí khác	8.962.922.773	4.731.382.762
Cộng	49.337.779.241	26.705.096.697

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	45.258.985	164.870.766
Thu hỗ trợ, bồi thường hợp đồng	1.806.446.497	432.411.650
Thu nhập khác	163.667.379	488.489.511
Cộng	2.015.372.861	1.085.771.927

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp về thuế, lãi chậm nộp bảo hiểm	711.842.464	2.685.364.175
Chi phí khác	146.916.459	213.713.893
Cộng	858.758.923	2.899.078.068

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.668.022.020	39.669.109.007
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.371.117.044	4.937.854.576
- Các khoản điều chỉnh tăng	21.157.864.610	11.199.207.003
- Các khoản điều chỉnh giảm	(15.786.747.566)	(6.261.352.427)
Tổng thu nhập tính thuế	54.039.139.064	44.606.963.583
<u>Trong đó:</u>		
- Thu nhập được ưu đãi (15%)	6.266.112.924	8.414.639.891
- Thu nhập không được ưu đãi (20%)	47.773.026.140	36.192.323.692
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	10.494.522.167	8.500.660.722
<u>Trong đó:</u>		
- Thuế TNDN từ thu nhập ưu đãi (15%)	939.916.939	1.262.195.984
- Thuế TNDN từ thu nhập không ưu đãi (20%)	9.554.605.228	7.238.464.738
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	5.932.279.904	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.426.802.071	8.500.660.722

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.116.382.705	31.358.513.048
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(963.491.481)	(940.755.391)
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(963.491.481)	(940.755.391)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.152.891.224	30.417.757.657
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	42.705.060	23.484.144
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	729	1.295

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên hàng năm, thù lao của Hội đồng Quản trị và thư ký tạm tính theo tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	23.484.144	23.484.144
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	19.220.916	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	42.705.060	23.484.144

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.515.433.316.824	1.253.962.556.413
Chi phí nhân công	126.380.050.821	88.600.911.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.520.899.973	15.304.312.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.497.495.611	41.459.957.830
Các chi phí khác	39.480.970.151	28.065.211.942
Cộng	1.769.312.733.380	1.427.392.949.964

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản (XDCB) bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính		
- Mua tài sản (XDCB) chưa thanh toán	10.222.249.120	100.640.000
- Tài sản thuê tài chính	122.702.262.068	-

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong năm tài chính từ 01/10/2024 đến 30/09/2025, Công ty có các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng do khoản tiền này được dùng đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng, chi tiết như sau:

	Số tiền
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	32.000.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	40.000.000.000
- Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - CN TP. HCM	25.340.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.018.622.970.629	1.474.093.464.270

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.767.186.481.756	1.378.673.508.771

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc.

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ		Năm nay	Năm trước
Ông Vũ Quang Chính	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	636.959.657	429.169.440
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024	318.573.159	566.381.200
Bà Nguyễn Yến	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	-	208.759.676
Ông Nguyễn Hoàng Tân	Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 25/10/2024	1.213.607.893	-
Bà Nguyễn Thu Trang	Phó Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024		
		Miễn nhiệm ngày 09/05/2025	568.563.378	156.218.588
Bà Lê Thị Hằng	Phó Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024	275.592.843	-
Bà Nguyễn Thị Bích Thuận	Phó Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024	863.401.282	-
Ông Nguyễn Văn Quốc	Phó Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024	542.373.540	-
Bà Võ Thị Minh Trang	Phó Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 09/05/2025		
		Miễn nhiệm ngày 29/09/2025	209.181.818	-
Ông Nguyễn Tú Kỳ	Phó Tổng GD	Miễn nhiệm ngày 01/11/2023	-	62.765.611
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng GD	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024	300.956.963	452.072.127
Ông Lê Phạm Công Hoang	Phó Tổng GD	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024		
		Bổ nhiệm ngày 29/09/2025	8.886.400	658.326.831
Bà Phạm Thị Bích Như	Phó Tổng GD	Miễn nhiệm ngày 31/12/2024	266.875.402	-
Cộng			5.204.972.335	2.533.693.473

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ		Năm nay	Năm trước
Ông Vũ Quang Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	67.500.000	54.000.000
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024	18.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Yến	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	45.900.000	-
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024	15.300.000	61.200.000
Bà Phạm Thị Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	40.500.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	40.500.000	-
Ông Trần Huy Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2024	40.500.000	-
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024	13.500.000	54.000.000
Bà Lê Thị Thùy Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/12/2024	13.500.000	54.000.000
Cộng			295.200.000	295.200.000

Các giao dịch khác:

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Ông Vũ Quang Chính	Thu khác	-	1.310.607
	Chi khác	3.600.000	1.310.607
Ông Từ Thanh Phụng	Chi phí khác	100.000.000	-
	Thanh toán chi phí	100.000.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Tân	Tạm ứng	300.000.000	-
	Hoàn tạm ứng	300.000.000	-
	Thu khác	999.999.998	-
	Chi khác	999.999.998	-
	Chi phí khác	8.765.000	-
Bà Huỳnh Thanh	Chi phí khác	80.000.000	-
	Thanh toán chi phí	80.000.000	-
Bà Lê Thị Hằng	Thu khác	406.000	-
	Đã khác	397.200	-
Ông Nguyễn Văn Quốc	Tạm ứng	10.000.000	-
	Hoàn tạm ứng	10.000.000	-
Bà Lâm Bích Ngọc	Tạm ứng	105.000.000	-
	Hoàn tạm ứng	105.000.000	-
Ông Lê Phạm Công Hoang	Hoàn tạm ứng	-	70.000.000
	Thu khác	-	33.663
	Chi khác	-	33.663
Bà Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Tạm ứng	-	5.000.000
	Hoàn tạm ứng	-	20.000.000
	Thu khác	-	10.759.500
	Chi khác	-	10.759.500
Bà Nguyễn Thu Trang	Thu khác	-	31.426.043
	Chi khác	-	31.426.043

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư nợ phải thu, nợ phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Vũ Quang Chính	Phải trả khác	3.600.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Tân	Phải trả khác	8.765.000	-
Bà Lê Thị Hằng	Phải thu khác	8.800	-

Các bên liên quan khác với Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Công ty mẹ
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam-Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
Trường Đại Học Văn Hiến	Cổ đông lớn, Thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Tập đoàn Hạt Việt Nam	Thành viên cùng tập đoàn
Quỹ Trái tim Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	3.179.132.010	3.108.911.068
	Thu tiền bán hàng	2.487.918.022	396.005.261
	Mượn tiền	7.744.500.000	120.441.800.000
	Trả lại tiền mượn	66.484.357.000	97.156.243.000
	Cho vay tiền	361.342.661.747	-
	Thu lại tiền cho vay	215.809.538.227	-
	Lãi cho vay	17.223.656.396	-
Trường Đại Học Văn Hiến	Bán hàng hoá, dịch vụ	89.271.686.441	50.055.265.340
	Thu tiền bán hàng	53.682.244.116	50.284.424.452
	Mượn tiền	300.000.000	-
	Trả lại tiền mượn	300.000.000	-
	Tài trợ học bổng	25.000.000	-
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	151.517.232	850.136.461
	Thu tiền bán hàng	12.438.610	221.380.712
	Chi phí khác	-	11.400.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	80.917.321.004	43.364.236.005
	Thu tiền bán hàng	57.333.331.831	58.224.191.098
	Mua hàng hoá	15.693.698.282	13.512.897.537
	Trả tiền mua hàng hóa	30.061.392.369	-
	Cho vay tiền	28.016.000.000	8.764.000.000
	Thu lại tiền cho vay	27.060.000.000	-
	Cho mượn tiền	5.300.000.000	10.650.000.000
	Thu lại tiền cho mượn	4.500.000.000	23.270.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
	Cổ tức được chia	-	6.181.000.000
	Thu cổ tức	881.000.000	5.300.000.000
	Lãi cho vay	7.373.298.411	4.727.475.600
	Thu lãi cho vay	-	5.069.032.893
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	1.115.394	246.500
	Thu tiền bán hàng	-	197.221.900
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	75.795.866	13.788.871
	Thu tiền bán hàng	81.859.530	14.891.980
	Mua hàng	148.725.614	-
	Trả tiền mau hàng	161.292.020	-
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	179.651.678	23.115.346
	Bán thanh lý tài sản	-	50.000.000
	Thu tiền bán hàng, thanh lý tài sản	172.032.236	8.516.367
	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	171.529.150
	Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	8.499.383	-
	Bù trừ tiền mua hàng với bán hàng	176.752.099	-
Công ty TNHH Tập đoàn Hạt Việt Nam	Mua hàng hóa, dịch vụ	259.177.896	-
Quỹ trái tim Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ		
	Thu tiền bán hàng	3.652.764	-
	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.944.985	-
	Chi khác	-	1.000.000
Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư nợ phải thu, nợ phải trả với các bên liên quan khác như sau:			
Bên liên quan	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	6.777.387.058	5.884.407.080
	Phải thu khác	17.223.656.396	-
	Phải thu về cho vay	145.533.123.520	-
	Phải trả khác	12.960.000	58.752.817.000
Trường Đại Học Văn Hiến	Phải thu khách hàng	52.944.675.607	8.771.277.828
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	1.671.600.000	1.520.400.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	54.120.203.158	26.328.435.489
	Phải thu khác	9.985.774.011	2.693.475.600
	Phải thu về cho vay	43.111.000.000	42.155.000.000
	Phải trả người bán	2.374.836.000	16.504.248.170
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	13.032.618.281	13.031.413.656
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	Phải trả người bán	1.213.550	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	-	155.268.228
	Phải trả người bán	-	185.251.482
Công ty TNHH Tập đoàn Hạng Việt Nam	Phải trả người bán	234.495.491	-
	Chi phí phải trả	35.848.856	-
Quỹ trái tim Hùng Hậu	Phải thu khác	545.000.000	500.000.000
	Phải trả khác	-	5.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty được phân bổ chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.
Chi tiết doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Xuất khẩu	600.616.378.938	355.436.180.926
Trong nước	1.806.604.755.022	1.182.489.399.132
Cộng	2.407.221.133.960	1.537.925.580.058

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản, nông sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá, ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Kế toán trưởng



Lâm Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Tân

